

Phụ lục 4

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH
(Theo Báo cáo tổng kết Nghị quyết 21-NQ/TW của các Bộ, ngành)

TT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	Bộ, Ngành
I	ĐỐI VỚI BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ	
	Ý kiến chung:	
1	<p>Đề xuất ban hành Nghị quyết mới của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Xem xét, cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế mới phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế xã hội của vùng. Từ đó xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm xây dựng và phát triển, tạo động lực cho phát triển vùng.</p>	Bộ QP Bộ CT Bộ GD Bộ KHĐT Bộ KHCN Bộ NG Bộ NN Bộ NV Bộ TC Bộ TNMT Bộ XD NHNN UBND
	Ý kiến khác:	
1	<p>- Chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Bổ sung nội dung về đổi mới và phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, phát triển thị trường lao động và việc làm, phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế, phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.</p> <p>- Bổ sung nguồn vốn ngân sách nhà nước cho Quỹ quốc gia về việc làm để đẩy mạnh hoạt động cho vay giải quyết việc làm, nhất là đối với những địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu</p>	Bộ LĐ

	số, tỷ lệ hộ nghèo cao trong Vùng.	
2	<p>- Tổ chức tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về công tác tôn giáo (2003-2023) và nghiên cứu, ban hành Nghị quyết mới để phù hợp với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn 2045.</p> <p>- Tổ chức sơ kết 5 năm và tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016-2026), trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung hoặc sửa đổi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cho phù hợp với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn 2045.</p>	Bộ NV
3	Nhấn mạnh đến vị trí, vai trò, nhiệm vụ và giải pháp về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; BVMT và ứng phó với BĐKH trong Nghị quyết.	Bộ TNMT
4	Kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo, đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ từ Quỹ vì người nghèo do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quản lý với nguồn vốn hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở của Chính phủ để nâng cao chất lượng nhà ở của các hộ gia đình.	Bộ XD
5	Đề nghị Quốc hội tiếp tục tăng chi ngân sách cho công tác y tế - dân số, dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng theo Nghị quyết 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, Nghị quyết số 20/NQ-TW và Nghị quyết số 21/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương.	Bộ YT
II	ĐỐI VỚI ĐẢNG ĐOÀN QUỐC HỘI	
1	Đề nghị Quốc hội xem xét ban hành Nghị quyết chuyên đề về phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các cơ chế phù hợp với quy định của pháp luật nhưng thuận lợi để các địa phương khu vực ĐBSCL phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển GDĐT.	Bộ GD
2	Đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật hằng năm để tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ các quy định của pháp luật liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất của Chính phủ.	Bộ KHCN
3	Bố trí nguồn ngân sách trung ương cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm	Bộ NG

	2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm việc triển khai các chương trình, dự án theo đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.	
4	Sửa đổi Luật Đất đai để tháo gỡ những bất cập trong quản lý, sử dụng đất đai hiện nay; cần có quy định cụ thể về tích tụ, tập trung ruộng đất; có các cơ chế, chính sách thông thoáng trao quyền chủ động cao hơn cho người dân được giao đất, thuê đất tạo điều kiện cho phát triển sản xuất hàng hóa chuyên canh quy mô lớn.	Bộ NN
5	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung sửa đổi, bổ sung một số Luật như đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, đa dạng sinh học. - Cân đối, đảm bảo các khoản ngân sách chi cho ứng phó với biến đổi khí hậu thành một nhiệm vụ chi chính trong ngân sách địa phương, cần phải có nguồn lực để ứng phó với BĐKH một cách chủ động. - Ưu tiên nguồn lực của nhà nước để đầu tư nhiều hơn nữa cho cơ sở hạ tầng ở vùng ĐBSCL - Thực hiện công tác giám sát, đánh giá các hoạt động quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH tại các Bộ, ngành, địa phương. - Thúc đẩy hợp tác quốc tế, hợp tác với các quốc gia có kinh nghiệm trong ứng phó với BĐKH, tranh thủ nguồn viện trợ của quốc tế 	Bộ TNMT
6	Đề xuất Quốc hội xem xét tiếp tục bố trí ngân sách cho Chương trình mục tiêu về văn hóa và Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch cho các giai đoạn tiếp theo để có nguồn vốn hỗ trợ các địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; công tác đầu tư phát triển các khu vực trọng điểm phát triển du lịch của Vùng.	Bộ VH
7	<ul style="list-style-type: none"> - Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước, cho phép vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết. - Đề nghị Quốc hội tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi trong công tác xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Quản lý, phát triển đô thị làm tiền đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật ngành xây dựng đồng bộ, có giá trị thực tiễn. 	Bộ XD

8	<p>- Chỉ đạo việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội và pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nội dung liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống pháp luật về chính sách dân tộc.</p> <p>- Chỉ đạo Chính phủ chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu đề đề xuất xây dựng một đạo luật về lĩnh vực dân tộc vào thời điểm thích hợp nhằm điều chỉnh toàn diện, đầy đủ các chính sách dân tộc, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và các quy định của Hiến pháp năm 2013 về dân tộc và chính sách dân tộc, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc phát triển các dân tộc và vùng đồng bào DTTS và miền núi, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hiện nay.</p> <p>- Tăng cường giám sát đối với việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến vùng đồng bào DTTS và miền núi nói chung và các nội dung của Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 nói riêng.</p>	UBDT
III	ĐỐI VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG CHÍNH PHỦ, BỘ, NGÀNH	
1	<p>- Chỉ đạo Bộ NG chủ trì, phối hợp với Bộ QP và các Bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện tốt 02 văn kiện pháp lý về biên giới: Hiệp ước bổ sung năm 2019 và Nghị định thư, bộ bản đồ đính kèm theo ghi nhận thành quả PGCM 84%. Tiếp tục tìm giải pháp để hoàn thành các đoạn biên giới tồn đọng về PGCM tuyến VN-CPC cả trên bộ và trên biển, góp phần xây dựng biên giới VN-CPC ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; giải quyết dứt điểm vấn đề người CPC gốc Việt tại CPC.</p> <p>- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu quy hoạch, sắp xếp, điều chỉnh, bố trí dân cư khu vực đồng bằng sông Cửu Long một cách hợp lý, bảo đảm an sinh và kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH gắn với QPAN, phát huy được vai trò của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ biên giới.</p> <p>- Tiếp tục đầu tư nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống đường TTBG, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, biên giới, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, chống xâm nhập mặn bảo đảm sản xuất nông nghiệp cho toàn vùng; xây dựng hệ thống các công trình phòng thủ kiên cố, vững chắc; đầu tư trang bị, phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại cho lực lượng bảo vệ biên giới nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo</p>	Bộ QP

	<p>vệ biên giới, phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long tận dụng và phát huy tối đa các nguồn lực và hiệu quả của cuộc cách mạng 4.0 gắn với phát triển KT-XH, dân cư vùng ĐBSCL. - Chỉ đạo các bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Y tế phối hợp chặt chẽ với địa phương quản lý, bảo vệ biên giới, chủ quyền lãnh thổ và thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19. 	
2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; Nghị quyết số 51/NQ-TW ngày 5/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia... - Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, ban hành các quy định pháp luật liên quan đầu tư nước ngoài và quản lý, giám sát nguồn vốn đầu tư nước ngoài đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không để nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng thâm tóm doanh nghiệp trên các lĩnh vực quan trọng, các dự án bất động sản đặc địa liên quan ANQP, dự án năng lượng trọng điểm; thận trọng thẩm định năng lực tài chính, công nghệ của doanh nghiệp nước ngoài xin cấp phép đầu tư vào Việt Nam; đánh giá kỹ các điều khoản ràng buộc khi ký kết những Hiệp định khung, Hiệp định vay vốn cụ thể, các hợp đồng kinh tế với nước ngoài, tránh việc bị thua thiệt hoặc bị khởi kiện; kiên quyết rút giấy phép của những công ty nước ngoài không thực hiện đúng mục đích, yêu cầu cam kết ban đầu về sử dụng lao động ở địa phương và bảo vệ môi trường sinh thái... vi phạm pháp luật Việt Nam. - Phối hợp chặt chẽ với Bộ CA và các cơ quan liên quan trong việc rà soát, thẩm định đề cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam, không cho phép các chương trình, dự án hoạt động trên các lĩnh vực có nguy cơ xâm phạm ANQG, ảnh hưởng đến ổn định chính trị và TTATXH; thận trọng đối với các dự án liên quan đến lĩnh vực xây dựng pháp luật, cải cách thể chế, tôn giáo, dân tộc, xã hội dân sự, công đoàn, tự do báo chí. - Tham mưu Chính phủ hoàn thành quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 120/NQ-CP 	Bộ CA

	<p>ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó giải quyết được những điểm nghẽn về giao thông, liên kết vùng; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với đảm bảo tăng cường tiềm lực ANQP, đồng thời có cơ chế giám sát việc triển khai đúng quy hoạch tại các địa phương.</p>	
3	<p>- Ban cán sự Đảng Chính phủ: Chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: (1) Khẩn trương hoàn thiện và ban hành Quy hoạch phát triển Vùng ĐBSCL giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045; (2) Sớm ban hành Đề án về thể chế phát triển vùng để tạo thuận lợi cho thực thi và tăng cường liên kết Vùng ĐBSCL trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng địa phương trong Vùng trong quy hoạch theo Luật Quy hoạch mới; (3) Khẩn trương kiện toàn Hội đồng điều phối Vùng ĐBSCL để đảm bảo hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và tăng cường công tác chỉ đạo, điều phối với các Bộ, ngành, các địa phương trong vùng trong triển khai quy hoạch Vùng.</p> <p>- Ban cán sự Đảng các Bộ, ngành: Chỉ đạo các Bộ, ngành khẩn trương triển khai xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, định hướng phát triển Vùng ĐBSCL theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.</p>	Bộ CT
4	<p>Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Bộ Giáo dụcĐT:</p> <p>- Tham mưu trình Chính phủ ban hành các Chương trình, Kế hoạch, Đề án phát triển kinh tế - xã hội khu vực ĐBSCL, trong đó quan tâm phát triển lĩnh vực GDĐT.</p> <p>- Tháo gỡ các khó khăn về cơ chế, chính sách ảnh hưởng đến phát triển GDĐT của khu vực ĐBSCL:</p> <p>+ Cân đối bố trí ngân sách cho giáo dục tại địa phương đảm bảo tối thiểu ngang bằng với tỷ lệ bình quân chung của cả nước. Đồng thời, điều chỉnh việc phân bổ ngân sách chi cho các ngành học, cấp học một cách hợp lý và phù hợp với định hướng phát triển giáo dục của địa phương.</p> <p>+ Thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục theo lộ trình, phù hợp với việc cân đối, bố trí các nguồn lực thực hiện, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đảm bảo chất lượng giáo dục, tránh việc thực hiện mang tính “cơ học”.</p> <p>- Xem xét cho các địa phương trong khu vực ĐBSCL được hưởng một số cơ chế đặc thù về GDĐT:</p> <p>+ Các địa bàn khó khăn tại các địa phương trong khu vực được mở rộng đối tượng thụ hưởng chế độ ăn trưa, miễn, giảm</p>	Bộ GD

	<p>học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mẫu giáo 3,4 và 5 tuổi thuộc hộ cận nghèo, trẻ vùng sông nước khó khăn trong việc đến trường, lớp.</p> <p>+ Trong các Chương trình Kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn sau, cho phép các tỉnh khu vực ĐBSCL tham gia với các tiêu chí, điều kiện như các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên để giúp các tỉnh trong vùng xóa bỏ các phòng học tạm, tranh tre nứa lá, hoàn chỉnh hệ thống nhà công vụ, từng bước tháo gỡ khó khăn về cơ sở vật chất trường học cho toàn vùng.</p>	
5	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo đẩy mạnh và thực hiện triệt để việc phân cấp, phân quyền từ trung ương đến địa phương. Giao địa phương là cơ quan có thẩm quyền và tổ chức thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông. - Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để triển khai các dự án liên kết Vùng, các dự án thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng. - Tăng nguồn vốn ngân sách bố trí hàng năm cho Bộ GT để đầu tư các công trình giao thông đối ngoại quan trọng của vùng do Trung ương quản lý. - Cân đối hỗ trợ cho các địa phương trong vùng thực hiện một số dự án cấp bách mang tính động lực vùng vượt quá khả năng cân đối ngân sách của địa phương. - Chỉ đạo các Bộ ngành hoàn thiện hệ thống thể chế, quy định pháp luật đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư theo hình thức PPP. 	Bộ GT
6	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tổ chức triển khai, phân công trách nhiệm cụ thể từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương làm cơ sở để lập quy hoạch cấp tỉnh của các địa phương trong vùng. - Sớm phê duyệt chủ trương tiếp nhận Khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu do Ngân hàng Thế giới và các đối tác phát triển tài trợ (Chính phủ đã đồng ý nguyên tắc việc vay nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài trị giá khoảng 02 tỷ USD tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 1/4/2021). - Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, các Bộ, địa phương ưu tiên triển khai cho các dự án cấp vùng, có tính liên kết, đặc biệt là các dự án giao thông, thủy lợi, nông nghiệp hiệu quả cao, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến 	Bộ KHĐT

	đổi khí hậu cho vùng ĐBSCL.	
7	<p>- Tiếp tục ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho các tỉnh thuộc Vùng Tây Nam bộ, đây là những địa phương khó khăn nhất của cả nước. Trước mắt, bố trí tăng thêm ngân sách chi cho KH,CN&ĐMST đảm bảo bằng 1% tiến tới bố trí đủ 2% trong tổng chi ngân sách ở địa phương. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao có giá trị kinh tế lớn và tác động tới nhiều ngành, lĩnh vực như: công nghệ thu hoạch, chế biến và bảo quản nông lâm sản; công nghệ cao trong ngành khai khoáng và chế biến khoáng sản; công nghệ xanh, sạch bảo vệ môi trường...</p> <p>- Phân cấp cho các bộ, ngành được chủ động hình thành một số bộ phận, đầu mối cơ quan quản lý ở quy mô cấp vùng vừa để thực hiện tinh gọn bộ máy, vừa để thực thi các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực sát hơn với yêu cầu của vùng; phân cấp cho các Bộ, ngành chịu trách nhiệm rà soát, kiến toàn và được chủ động trong đầu tư (cả về tổ chức bộ máy và đầu tư hạ tầng) nâng cấp đủ mạnh và mở rộng chức năng đối với mô hình các Viện, Trung tâm thuộc các Bộ Ngành Trung ương ở cấp vùng đủ điều kiện giải quyết các vấn đề của vùng.</p> <p>- Chỉ đạo việc xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp huy động nguồn vốn xã hội và nguồn vốn nước ngoài nhằm gia tăng đầu tư cho KH&CN, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng tỷ lệ đầu tư cho KH&CN, đổi mới sáng tạo từ xã hội đạt mức cao hơn so với đầu tư từ ngân sách nhà nước, trong đó có cơ chế hợp tác công tư đồng tài trợ với sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước.</p> <p>- Đề nghị Bộ KHĐT, Bộ TC phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN trong quá trình đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp KH&CN bảo đảm đúng mục đích, đầu tư trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ KH&CN có quy mô lớn, tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực.</p> <p>- Bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho các hoạt động đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các công nghệ tiên tiến khác của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào đối tượng thuộc lĩnh vực ưu tiên.</p>	Bộ KH&CN
8	<p>- Tham mưu đề xuất với Chính phủ, Quốc hội tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, thể chế về quản lý và điều hành, trong đó tập trung vào chính sách đất đai, tài chính thị trường, đào tạo</p>	Bộ LĐ

	<p>nguồn nhân lực, xử lý chất thải, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, cải cách hành chính; nghiên cứu ban hành chính sách thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch, các ngành dịch vụ có chất lượng cao.</p> <p>- Tiếp tục xây dựng chính sách thu hút đầu tư, đặc biệt là huy động nguồn lực trong nước, đẩy mạnh thu hút vốn nước ngoài; vận động thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ vận tải biển, bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, dịch vụ du lịch, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu thương mại...vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p>	
9	<p>Chính phủ đẩy mạnh phân cấp cho địa phương phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và sử dụng chi ngân sách thường xuyên hàng năm để thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.</p> <p>- Xây dựng và thí điểm các khu nông nghiệp công nghệ cao dựa vào những tiến bộ khoa học - công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; xây dựng các mô hình liên kết, quản lý theo tiêu chí hiện đại. Sau đó nhân rộng để tạo bước chuyển biến đột phá trong sản xuất nông nghiệp vùng ĐBSCL.</p> <p>- Quy định rõ về công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, giữa Trung ương và địa phương, các vùng đặc thù về công tác tôn giáo để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong phối hợp công tác tôn giáo, hạn chế vấn đề chồng chéo, lấn sân, cục Bộ Ngành và địa phương.</p> <p>- Quan tâm, hỗ trợ các tôn giáo nội sinh trên địa bàn vùng ĐBSCL để giữ gìn, phát huy nguồn lực, các giá trị tốt đẹp trong cộng đồng cư dân vùng ĐBSCL¹. Đồng thời, ban hành chính sách đặc thù với đồng bào dân tộc, tôn giáo Khmer ở vùng ĐBSCL đảm bảo sự phát triển hài hòa, phù hợp của đồng bào dân tộc Khmer gắn với tôn giáo Nam tông Khmer.</p> <p>- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ. Quy định, hướng dẫn về cơ chế tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo từ trung ương đến cơ sở; trong đó có các cơ quan tham mưu cho cấp uỷ các cấp và quy định cơ chế phối hợp hoạt động trong hệ thống chính trị đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới.</p> <p>- Ban hành chính sách riêng về đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp và tăng cường tổ chức</p>	Bộ NV

¹ Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương.

	<p>các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về công tác tôn giáo, có chính sách đãi ngộ, ưu tiên đặc thù cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.</p> <p>- Hướng dẫn cụ thể, thống nhất, phù hợp đối với từng tôn giáo để giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương có cơ sở xem xét, tham mưu và giải quyết yêu cầu của các tôn giáo một cách chính xác, đúng quy định pháp luật.</p>	
10	<p>- Sớm phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 đến 2030, tầm nhìn đến 2045 để làm cơ sở thúc đẩy các hoạt động liên kết vùng và đầu tư các công trình lớn.</p> <p>- Ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là bố trí nguồn lực để thực hiện Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020; Đề án Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyên đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020; Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 tại Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 6/7/2020.</p> <p>- Ban hành “Nghị quyết chuyên đề về phát triển HTX nông nghiệp trong Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới” (theo Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 29/5/2021 của Văn phòng Chính phủ) nhằm tập trung chỉ đạo các Bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương vào cuộc hỗ trợ, thúc đẩy HTX nông nghiệp phát triển, phấn đấu đạt được các mục tiêu đã đề ra trong thời gian qua.</p>	Bộ NN
11	<p>- Giai đoạn 2021 – 2025, việc phân bổ vốn (đầu tư, thường xuyên), vốn hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo, nông thôn mới, dân tộc và miền núi) cho các địa phương trong Vùng sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể. Đối với giai đoạn 2025 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, cần tiếp tục phân bổ vốn đầu tư công trung hạn của ngân sách trung ương để đầu tư hoàn thiện các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn như hạ tầng giao thông, các công trình thủy lợi, hạ tầng giáo dục, y tế,...; tiếp tục nghiên cứu ban hành định mức phân bổ ngân sách (bao gồm định mức chi đầu tư và chi thường xuyên) theo hướng ưu tiên phân bổ cho</p>	Bộ TC

	<p>Vùng để phát triển kinh tế xã hội. Hằng năm, ưu tiên bội chi ngân sách cấp tỉnh cho Vùng, bao gồm cả việc thúc đẩy các khoản Chính phủ vay nước ngoài về cho chính quyền địa phương vay lại nhằm huy động thêm nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Tiếp tục ưu tiên phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công trung hạn của ngân sách trung ương để đầu tư hoàn thiện các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn như hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy), các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trồng rừng phòng hộ.</p> <p>- Khẩn trương ban hành Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của Vùng.</p> <p>- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu liên kết phát triển kinh tế - xã hội Vùng.</p> <p>- Rà soát, nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về tài chính có tính đến yếu tố đặc thù của Vùng, qua đó giải quyết những nút thắt, giúp huy động tối đa nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng. Hoàn thiện chính sách thu gắn với cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế, tăng tỷ trọng thu nội địa, khai thác tốt thuế thu từ tài nguyên, bảo vệ môi trường.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, phí, tín dụng để hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển với địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn trong Vùng, cũng như khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp.</p>	
12	<p>- Phát huy vai trò Hội đồng Điều phối vùng, đặc biệt trong đề xuất các giải pháp mang tính liên ngành, kết nối liên vùng, trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu: (i) Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ liên kết địa phương, vùng trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; (ii) Xây dựng cơ chế, giải pháp huy động, thu hút nguồn vốn xã hội hóa cho cơ sở hạ tầng môi trường cấp vùng, liên tỉnh; (iii) Xây dựng đề án thành lập trung tâm vùng để cảnh báo ô nhiễm xuyên biên giới; trung</p>	Bộ TNMT

tâm thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long; (iv) Xây dựng cơ chế phối hợp liên tỉnh trong ứng phó, giải quyết các sự cố, đền bù, phục hồi môi trường vùng ven biển.

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách được cụ thể trong Nghị quyết và Chương trình hành động tổng thể, đặc biệt là cơ chế về huy động nguồn lực thông qua hình thức đối tác công - tư, tập trung đất đai phục vụ chuyên đổi quy mô lớn, quy hoạch các khu vực trồng lúa chuyên đổi mục đích linh hoạt để chủ động trong chuyên đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên từng năm.

- Xây dựng, thực hiện các dự án lớn; phát triển hạ tầng đa mục tiêu: thích ứng với biến đổi khí hậu, khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn nước để tạo ra chuyên đổi quy mô lớn. Rà soát, xây dựng các tiêu chí xác định và đầu tư dự án, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu quy mô lớn, có tính chất liên vùng, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội; các dự án quan trọng, cấp bách trong giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030. Đẩy nhanh việc triển khai các chương trình, dự án ODA đã ký kết và các dự án vốn trong nước quy mô lớn để sớm phát huy hiệu quả hỗ trợ hoàn thành hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng.

- Tăng cường điều tra cơ bản, năng lực quan trắc, dự báo, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường trong vùng phục vụ công tác hoạch định chính sách, kế hoạch, các quyết định đầu tư của các địa phương trong Vùng.

- Thúc đẩy chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ cao phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường có công nghệ xử lý rác thải đô thị, nông thôn phù hợp. Đảm bảo an toàn năng lượng thông qua phát triển, sử dụng hiệu quả năng lượng tái tạo khu vực ven biển, phù hợp với yêu cầu sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai.

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá, xây dựng và triển khai tổng thể các giải pháp trữ nước dựa vào xu thế tự nhiên của từng khu vực; phòng chống sạt lở bờ sông, xâm thực biển và sụt lún đất vùng ĐBSCL. Trước mắt, tăng cường các biện pháp ứng phó với tình trạng sụt lún đất và sạt lở bờ sông, bờ biển nhằm tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện đồng bộ các giải pháp liên ngành, liên vùng..

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ 4.0; thúc đẩy hình thành các trung tâm phát triển, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ cao. Xây dựng chương trình KH&CN để nghiên cứu tổng thể về thích ứng lâu dài với biến đổi khí hậu ở

	<p>ĐBSCL..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hợp tác quốc tế, thiết lập các khuôn khổ hợp tác mới trong lĩnh vực BDKH và tài nguyên nước nhằm phát huy sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác phát triển để phát triển bền vững ĐBSCL. Đẩy mạnh công tác điều phối các hoạt động hợp tác song phương, đa phương và với các quốc gia thượng nguồn về quản lý tài nguyên nước sông Mê Công. - Bảo đảm đủ nguồn lực cho hệ thống quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó BDKH từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, theo kịp mức độ gia tăng nhanh về quy mô, diễn biến ngày càng phức tạp của BDKH, các vấn đề tài nguyên và môi trường đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 	
13	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất Chính phủ xem xét tăng mức đầu tư kinh phí trung ương và địa phương hàng năm cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch để Bộ và các tỉnh/thành phố đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển của ngành. - Chỉ đạo các cơ quan liên quan và địa phương rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và các lĩnh vực có liên quan để đảm bảo công tác quản lý nhà nước tại các địa phương được diễn ra có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. - Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác phối hợp triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển văn hóa, thể thao và du lịch. 	Bộ VH
14	<p>Đối với Ban Cán sự đảng Chính phủ: đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội bố trí nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để thực hiện việc các chính sách hỗ trợ nhà ở, chỗ ở cho hộ nghèo, hộ có công với cách mạng, hộ sống trong khu vực thiên tai, hộ thu nhập thấp và công nhân. Đặc biệt là hỗ trợ cho các địa phương trong việc đảm bảo an toàn chỗ ở cho người dân tại các khu vực sạt lở, ngập lũ thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết số 120/NQ-CP được áp dụng như giai đoạn 1 và 2, bởi vì đa số các địa phương trong vùng đều là những địa phương có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đặc biệt là các địa phương đầu nguồn như tỉnh An Giang, Đồng Tháp và các địa phương ven biển như tỉnh Cà Mau, Kiên Giang với tổng kinh phí khoảng là 3.000 tỷ đồng.</p> <p>Đối với các chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở giai đoạn 2021-2025, đề nghị bổ sung Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo và phòng tránh bão, lụt khu vực ven biển theo hướng có sự hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho hộ</p>	Bộ XD

	<p>dân; tăng mức vay ưu đãi cũng như đề nghị các địa phương hỗ trợ thêm từ các nguồn xã hội hóa và lồng ghép việc hỗ trợ với nguồn vốn từ Quỹ vì người nghèo do Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam quản lý; tăng diện tích tối thiểu của ngôi nhà được hỗ trợ xây dựng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn tiếp theo.</p> <p>Đối với chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định mới về hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân và thân nhân liệt sĩ giai đoạn 2021-2025 với mức hỗ trợ dự kiến cao hơn mức hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, phương thức hỗ trợ vừa trực tiếp vừa gián tiếp.</p> <p>Đối với ban cán sự các Bộ, ngành: chỉ đạo các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát xây dựng hành lang pháp lý; phối hợp trong công tác lập Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị, Chương trình phát triển đô thị, nông thôn nhằm tạo lập khung phát triển cho vùng.</p>	
15	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Quốc hội quan tâm, dành ngân sách trung ương để hỗ trợ các tỉnh vùng ĐBSCL đầu tư cho các trạm y tế xã, nhất là các trạm ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; đầu tư cho một số trung tâm y tế, bệnh viện huyện chưa được đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ thời gian vừa qua. - Đề nghị tăng định mức phân bổ ngân sách sự nghiệp y tế theo đầu dân, quy định chi tiết định mức phân bổ ngân sách chi sự nghiệp y tế của các địa phương theo tiêu chí dân số năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 có quy định cụ thể nguyên tắc phân bổ chi cho y tế xã, y tế dự phòng, khám chữa bệnh và công tác dân số. - Đề nghị bố trí đủ dự toán và bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số khi chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên của ngành y tế từ năm 2021 theo nguyên tắc không thấp hơn năm 2020 để bảo đảm tối thiểu các nhiệm vụ chi mua thuốc, vắc xin, sinh phẩm và các nhiệm vụ thường xuyên khác để duy trì tính bền vững, kết quả đạt được của chương trình trong hàng chục năm vừa qua. - Các Bộ tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chi tiết định mức phân bổ ngân sách chi sự nghiệp y tế của các địa phương theo tiêu chí dân số cho giai đoạn 2021 - 2025 có quy định cụ thể nguyên tắc phân bổ chi cho y tế xã y tế dự phòng, khám chữa bệnh và công tác dân số. - Các Bộ ủng hộ để có thể điều chỉnh được mức đóng Bảo hiểm y tế để có thể cân đối được Quỹ BHYT, tạo điều kiện để 	Bộ YT

	<p>tính chi phí quản lý, khấu hao, chi phí nhân lực phục vụ chăm sóc toàn diện vào giá dịch vụ y tế.</p>	
16	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Chính phủ tiếp tục kiên trì thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Các bộ, ngành phối hợp chặt chẽ trong điều hành kinh tế vĩ mô, chia sẻ thông tin và điều hành giá cả để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, tạo nền tảng ổn định lạm phát trong trung hạn; - Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành; khuyến khích các hoạt động đổi mới, sáng tạo... để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, khuyến khích đầu tư tư nhân và thu hút đầu tư nước ngoài; - Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quá trình triển khai nhiệm vụ cơ cấu lại hệ thống các TCTD của NHNN; đẩy mạnh hơn nữa quá trình phân loại, sắp xếp các doanh nghiệp, trọng tâm là các DNNN, thực hiện tái cơ cấu, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, tạo điều kiện để hệ thống các TCTD xử lý nợ xấu, lành mạnh hóa tài chính. 	NHNN
17	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt đủ nguồn vốn để thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc nói chung, đặc biệt trên địa bàn vùng ĐBSCL. - Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có 10 dự án thành phần nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh một cách đồng bộ trên địa bàn vùng DTTS&MN nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng - Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan bố trí đủ nguồn lực và phối hợp chặt chẽ với UBĐT trong việc xây dựng cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện Chương trình từ năm 2021. - Chỉ đạo UBĐT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, làm cơ sở đảm bảo việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển vùng đồng bào DTTS&MN. Tổ chức nghiên cứu để đề xuất xây dựng một đạo luật riêng về lĩnh vực dân tộc vào thời điểm thích hợp, nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, các quy định của Hiến 	UBĐT

	pháp về dân tộc và chính sách dân tộc.	
IV	ĐỐI VỚI TỈNH ỦY TRONG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	
1	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung xây dựng các tiềm lực phát triển KT-XH, trong đó có tiềm lực QP-AN, đầu tư kinh phí xây dựng các công trình trong thế trận khu vực phòng thủ. - Tích cực, chủ động đề xuất cơ chế, chính sách với các tiểu vùng, liên kết vùng phù hợp với sự phát triển của từng địa phương và vùng ĐBSCL. - Tích hợp quy hoạch các Khu KTQP trên địa bàn gắn kết chặt chẽ quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, huyện; đồng thời tăng cường phối hợp, bố trí vốn đối ứng triển khai đầu tư xây dựng Khu KTQP, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, phong trào xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo bền vững. - Triển khai và thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới. - Quản lý chặt chẽ tàu, thuyền dân sự khi đánh bắt hải sản thực hiện nghiêm Kế hoạch chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo (IUU) trên vùng biển giáp ranh với nước ngoài. 	Bộ QP
2	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp ủy, chính quyền các tỉnh ĐBSCL tiếp tục tập trung củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến đất đai, dân tộc, tôn giáo, khẩn trương rà soát và chỉ đạo tập trung giải quyết dứt điểm các “điểm nóng” về ANTT trên địa bàn. Tháo gỡ những bức xúc, giải quyết thỏa đáng quyền lợi, nguyện vọng chính đáng của người dân, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật để củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước. - Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý lao động người nước ngoài tại các địa phương. Chủ động phối hợp, xin ý kiến của Bộ CA, Bộ QP và Bộ Ngoại giao trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại các đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển không thuộc trường hợp Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư. - Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nhất là người DTTS, ngư dân làm cơ sở để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công tác đảm bảo ANTT với quan điểm nhiệm vụ bảo đảm ANTT là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống 	Bộ CA

	<p>chính trị, trong đó lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò lực lượng nòng cốt.</p> <p>- Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, chế độ chính sách để lực lượng Công an địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH, nhất là quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc của lực lượng Công an các xã, phường, thị trấn, đặc biệt là các xã vùng biên giới, biển đảo.</p>	
3	<p>Chỉ đạo UBND các địa phương do mình phụ trách: Khẩn trương hoàn thiện và ban hành Quy hoạch phát triển địa phương giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 đảm bảo tạo thuận lợi cho thực thi và tăng cường liên kết Vùng ĐBSCL trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng địa phương trong Vùng trong quy hoạch theo Luật Quy hoạch mới.</p>	Bộ CT
4	<p><i>- Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị</i></p> <p>Tiếp tục quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường lớp cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung đẩy mạnh thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, phấn đấu thực hiện có chất lượng các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh giao; quan tâm đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tăng cường công tác quản lý, phối hợp giáo dục học sinh, tạo điều kiện cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn an tâm học tập nhằm hạn chế tình trạng bỏ học; triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động lớn trong ngành và các phong trào thi đua; tổ chức nghiêm túc, có chất lượng các kỳ thi học sinh giỏi, thi tuyển sinh đầu cấp trung học phổ thông và thi tốt nghiệp trung học phổ thông; chỉ đạo các trường tổ chức nghiêm túc các đợt kiểm tra, đánh giá xếp loại học sinh cuối học kỳ và cả năm học, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực.</p> <p><i>- Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực</i></p> <p>Đẩy mạnh tự chủ và xã hội hóa GDĐT. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin kịp thời nhằm nâng cao hiểu biết và nhận thức của mọi lực lượng xã hội về vị trí giáo dục và công tác xã hội hoá giáo dục nhất là giáo dục mầm non. Mọi lực lượng xã hội, cá nhân, tổ chức, gia đình đều có trách nhiệm tham gia, xây dựng và bảo đảm cho nền giáo dục tỉnh nhà phát triển xứng với truyền thống hiếu học và những tiềm năng của tỉnh; huy động đóng góp của các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh, các tổ chức nhân đạo trong và ngoài nước, các cá nhân, đặc biệt là đóng góp của nhân dân cả về vật chất, kinh phí và tinh thần đảm bảo điều kiện tối thiểu cho giáo dục có đủ nguồn lực.</p>	Bộ GD

- *Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo.*

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Gắn việc phát triển nguồn nhân lực với thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; chú trọng nâng cao học vấn và kỹ năng cho người lao động, giáo dục tính kỷ luật, tác phong lao động chuyên nghiệp, hiệu quả; hình thành thị trường cung ứng nguồn nhân lực và mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nhân lực.

Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong GDĐT; tăng cường giáo dục tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho phụ huynh và học sinh hiểu rõ chủ trương phân luồng, lợi ích của phân luồng; tổ chức tư vấn, sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và nguyện vọng bản thân. Cung cấp rộng rãi thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của thị trường lao động, nhằm định hướng các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, phục vụ nhu cầu của địa phương; nâng cao chất lượng giáo dục nghề phổ thông tại các trường, khuyến khích việc dạy nghề truyền thống của địa phương. Chọn lựa, bổ sung các chương trình dạy nghề phù hợp với yêu cầu, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện dạy học của nhà trường.

- *Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội.*

Thực hiện tốt chủ trương của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân đối với xã hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện và tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế trong GDĐT.

5	<p>- Khẩn trương hoàn thành quy hoạch tỉnh giai đoạn đến năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó lưu ý rà soát để phù hợp với định hướng, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực giao thông vận tải.</p> <p>- Tăng cường tính chỉ động của địa phương trong triển khai đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, khai thác tối đa lợi thế của từng địa phương để huy động nguồn lực đầu tư phù hợp.</p> <p>- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ Ngành trong việc triển khai các dự án trong khu vực. Chỉ đạo quyết liệt công tác GPMB và quản lý chặt chẽ hành lang ATGT.</p> <p>- Chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền quản lý của các địa phương.</p> <p>- Chủ động dành một số vị trí đất có khả năng thương mại, phát triển khu công nghiệp, khu du lịch hoặc nghiên cứu tạo quỹ đất hai bên tuyến đường sau khi đầu tư để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng.</p>	Bộ GT
6	<p>- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ưu tiên bố trí vốn địa phương để giải phóng mặt bằng cho các dự án liên vùng, đường ven biển.</p> <p>- Tiếp tục triển khai lập quy hoạch cấp tỉnh đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp tỉnh bảo đảm hiệu quả.</p> <p>- Tiếp tục tham gia có hiệu quả, thực chất vào các chương trình dự án liên kết vùng, phát huy tính chủ động, đề xuất sáng kiến hợp tác.</p>	Bộ KHĐT
7	<p>- Lãnh đạo các địa phương trong vùng quan tâm hơn nữa đến việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động KH&CN trong vùng bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của Vùng; xây dựng và phê duyệt một số Đề án/Chương trình mục tiêu, nhất là Đề án phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế đặc trưng của vùng, sản phẩm cạnh tranh trong chiến lược của quốc gia (Lúa gạo, trái cây, thủy sản,...) để làm cơ sở xây dựng và triển khai Chương trình KH&CN phục vụ phát triển sản phẩm theo chuỗi nâng cao được giá trị của sản phẩm.</p> <p>- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội về tài chính để phát triển một số lĩnh vực KH&CN có thế mạnh và có vai trò quan trọng như khoa học nông nghiệp, sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin, sinh học, môi trường,... hướng tới đạt trình độ quốc tế; chính sách thu hút và khai thác “chất xám” từ các</p>	Bộ KH&CN

	<p>nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong và ngoài nước; cơ chế liên kết sử dụng nhân lực KH,CN&ĐMST hợp tác với doanh nghiệp cùng nghiên cứu phát triển.</p> <p>- Ưu tiên cân đối nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST: Ngoài việc cân đối theo phân bổ từ ngân sách Trung ương, các địa phương cần cân đối bổ sung từ ngân sách địa phương, bảo đảm tỷ lệ chi không dưới 2% tổng chi NSNN cho hoạt động KH,CN&ĐMST. Đảm bảo có đủ nguồn lực để triển khai các Chương trình KH&CN thực sự có hiệu quả; có nguồn lực để đầu tư phát triển Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ thông tin tập trung, vườn ươm, khu làm việc chung, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành...theo hướng đặt hàng, hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn cùng đầu tư.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo (kể cả đào tạo ở nước ngoài) để tăng cường về số lượng và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý KH&CN ở các địa phương; khuyến khích liên kết viện, trường và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực KH&CN, đào tạo nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp.</p>	
8	<p>- Các tỉnh uỷ, thành uỷ vùng Đồng bằng sông Cửu Long xây dựng chương trình, kế hoạch hành động với lộ trình và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương</p> <p>- Chủ động rà soát, xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chuyên ngành phù hợp với điều kiện cụ thể, quy luật tự nhiên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sống chung với mặn, hạn như từng sống chung với lũ, trên cơ sở Quy hoạch tổng thể tích hợp phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, các quy hoạch của ngành lao động – thương binh và xã hội nêu trên và thực hiện phương châm lấy con người làm trung tâm.</p> <p>- Xây dựng mô hình kinh tế phù hợp với tự nhiên, chủ động sống chung với mặn, hạn như từng sống chung với lũ, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đa dạng, quy mô lớn, hiện đại gắn với thị trường tiêu thụ để chuyển dịch lao động sang công nhân nông nghiệp, giúp người dân có việc làm, thu nhập bền vững, nâng cao cuộc sống để đến năm 2045, cơ bản không còn hộ nghèo.</p> <p>- Bảo tồn và phát triển các giá trị cốt lõi của đồng bằng sông Cửu Long, tạo nền tảng phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, du</p>	Bộ LĐ

	<p>lịch sông nước dựa trên thế mạnh từng tiểu vùng cùng với thích ứng và chủ động sống chung với kinh tế nước mặn, nước lợ, tạo việc làm và thu nhập bền vững.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch, cân đối bố trí ngân sách địa phương, phối hợp, lồng ghép với ngân sách trung ương và huy động tối đa các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình MTQG trên địa bàn, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác trên cùng địa bàn; khuyến khích địa phương có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy giảm nghèo bền vững.</p>	
9	<p>- Tăng cường phối hợp với Bộ Ngoại giao trong việc trao đổi thông tin, tình hình liên quan đến hợp tác với các đối tác nước ngoài; thường xuyên cập nhật tình hình hợp tác với các nước đối tác, đặc biệt là những khó khăn, vướng mắc và thông tin cho Bộ Ngoại giao để phối hợp giải quyết; nêu rõ đề xuất, kiên nghị, nhu cầu hợp tác, hỗ trợ để Bộ Ngoại giao lồng ghép, đưa các yêu cầu cụ thể vào hoạt động trao đổi đoàn, tiếp xúc song phương, các cơ chế đối thoại với các đối tác.</p> <p>- Tăng cường thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hóa, giao lưu nhân dân với địa phương giáp biên của Campuchia nhằm tăng cường hiểu biết và tình cảm hữu nghị giữa nhân dân các bên; tranh thủ, tận dụng tối đa các cơ chế hợp tác sẵn có với các đối tác. Đồng thời, tích cực, chủ động nghiên cứu khả năng mở rộng hợp tác với các đối tác khác, như các tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia và địa phương các nước đối tác mà các địa phương trong vùng chưa thiết lập quan hệ.</p> <p>- Nghiên cứu, ban hành các chính sách, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và ưu đãi đầu tư của từng địa phương và toàn vùng để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài nói chung. Phối hợp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các đối tác nước ngoài trong quá trình triển khai các dự án đầu tư, viện trợ phát triển trên địa bàn.</p>	Bộ NG
10	<p>- Thống nhất công tác tôn giáo vùng ĐBSCL bằng hoạt động liên kết, phối hợp để hỗ trợ, hướng dẫn các hoạt động tôn giáo kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch chiến lược, đổi mới tư duy nhận thức trong công tác tôn giáo đối với cán bộ, công chức hướng dẫn nền hành chính hiện đại, tiện ích, gần dân, giải quyết kịp thời, thỏa đáng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.</p> <p>- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác tôn giáo, coi tôn giáo là thành tố của văn hóa, là nhu cầu của một bộ</p>	Bộ NV

	phân nhân dân để hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.	
11	<p>- Để đáp ứng yêu cầu vừa phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh – quốc phòng trong tình hình mới, với yêu cầu cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, các địa phương trong vùng cần chủ động rà soát, xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và chuyên ngành phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Đồng thời, tập trung thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng liên kết sản xuất, xây dựng mô hình kinh tế phù hợp tự nhiên, chủ động sống chung với mặn, hạn; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, phấn đấu thu NSNN.</p> <p>- Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình trọng điểm có sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển vùng và liên vùng. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thu hút vốn đầu tư vào vùng để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, trong đó khuyến khích thu hút FDI vào các ngành sản xuất có công nghệ cao, sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng. Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hóa để sử dụng cho đầu tư phát triển và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách.</p> <p>- Đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn đầu tư, trên cơ sở rà soát lại quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất thương mại. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với quỹ đất có lợi thế thương mại mà hiện nay các tổ chức hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước đang sử dụng không hiệu quả, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần ban hành danh mục và có kế hoạch chuyển các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp này đến địa điểm mới phù hợp, dành đất lại cho các đơn vị kinh doanh có hiệu quả hơn. Cần tính toán phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có thu lại một phần nguồn lợi từ việc đầu tư để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách mỗi khi thu hồi đất làm các công trình phúc lợi công cộng. Khuyến khích mạnh việc đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông.</p> <p>- Các địa phương trong Vùng cần chủ động bố trí ngân sách và phối kết hợp để xử lý ô nhiễm môi trường. Chủ động sử dụng</p>	Bộ TC

	<p>ngân sách địa phương để xử lý các nhu cầu phát sinh đột xuất như thiên tai, dịch bệnh,...</p> <p>- Tập trung triển khai các giải pháp đẩy mạnh hoạt động xã hội hoá lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề ở địa phương, nhất là các vùng có lợi thế, như các quận, thành phố, thị xã, thị trấn, các khu công nghiệp,... qua đó huy động thêm nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực; đồng thời có điều kiện dành phần kinh phí của ngân sách địa phương bố trí cho các vùng khó khăn</p>	
12	<p>- Tăng cường phối hợp với Bộ TNMT tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, ý thức trách nhiệm trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH.</p> <p>- Quan tâm hơn đến vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu, tài nguyên, môi trường. Cần thường xuyên tuyên truyền, phổ biến giúp thay đổi nhận thức của cộng đồng, người dân về tác động của BĐKH, vai trò và trách nhiệm tham gia của cộng đồng.</p> <p>- Lồng ghép mục tiêu ứng phó BĐKH, quản lý tài nguyên, BVMT vào trong các, quy hoạch, kế hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2030 ở từng địa phương trong Vùng. Ưu tiên hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn tự nhiên kết hợp với vốn con người, xã hội và tài chính của vùng.</p> <p>- Chủ động phát hiện, xử lý các điểm nóng về tài nguyên, môi trường trên địa bàn.</p> <p>- Ưu tiên phân bổ nguồn lực tài chính cho các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ảnh hưởng, tác động của BĐKH. Chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường, đảm bảo tích hợp hiệu quả vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung của vùng và quốc gia.</p>	Bộ TNMT
13	<p>- Quan tâm, ủng hộ trong việc bố trí quỹ đất xây dựng các trung tâm bưu chính vùng, tạo điều kiện cho lĩnh vực bưu chính xây dựng cơ sở hạ tầng mạng lưới, tăng cường hoạt động kết nối, liên kết về kinh tế giữa các vùng trong cả nước.</p> <p>- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục triển khai đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí để phát triển hệ thống báo chí, đảm bảo vai trò định hướng dư luận xã hội; bố trí kinh phí để các cơ quan báo chí tuyên truyền phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát</p>	Bộ TTTT

triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long cho đội ngũ phóng viên chuyên trách của các cơ quan báo chí

- Thực tế hiện nay có sự mất cân đối giữa các vùng miền, các nhà xuất bản tập trung ở các thành phố lớn, nơi người dân có đời sống văn hóa tinh thần cao. Vì vậy, việc tồn tại và duy trì hoạt động của một nhà xuất bản ở Tây Nam Bộ là rất cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ xuất bản các xuất bản phẩm phục vụ đời sống văn hóa, tư tưởng không chỉ của tỉnh Cà Mau mà còn cho cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long, một trong những khu vực trọng điểm của đất nước. Điều này không những góp phần nâng cao dân trí mà còn thực hiện chiến lược phát triển văn hóa giữa các vùng, miền trong cả nước. Đây là một trong những nhiệm vụ chính trị rất quan trọng mà Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản đã giao cho ngành Xuất bản và đã được Chính phủ quy hoạch. Hiện nay, khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ -đồng bằng sông Cửu Long không có nhà xuất bản (năm 2013 đã giải thể Nhà xuất bản Hồng Bàng, xóa bỏ một địa chỉ văn hóa tại khu vực Tây Nguyên và Nhà xuất bản Phương Đông chấm dứt hoạt động từ năm 2017). Vì vậy, để đảm bảo việc phát triển văn hóa giữa các vùng, miền, đề nghị xem xét tái thành lập nhà xuất bản, nhằm phục vụ đời sống văn hóa cho những vùng đặc thù như Tây Nam Bộ. Kiến nghị các cơ quan chức năng có ý kiến chỉ đạo một số địa phương thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long thành lập nhà xuất bản để thực hiện nhiệm vụ chính trị đã được giao tại Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản, Thông báo Kết luận số 19-KL/TW ngày 29/12/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản và Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; có chính sách hỗ trợ phát triển mạng lưới phát hành xuất bản phẩm và văn hóa đọc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Trước xu thế phát triển công nghệ số, kinh tế số, xã hội số, vùng ĐBSCL cần chuyển đổi mạnh mẽ từ phát triển nông nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế số, kinh tế nền tảng, công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số với giá trị gia tăng cao, thu hút đầu tư trong nước và quốc tế, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nguồn nhân lực CNTT; Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong các ngành, lĩnh vực theo chương trình chuyển đổi số quốc gia và

	chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số; gắn kết với ứng dụng công nghệ số, đưa các sản phẩm công nghệ số vào lĩnh vực nông nghiệp để khai thác tối đa lợi thế của vùng.	
14	<p>- Tiếp tục quan tâm, theo dõi và cân đối ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của địa phương và Vùng.</p> <p>- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển ngành văn hóa, thể thao và du lịch; góp phần giảm thiểu gánh nặng cho ngân sách trung ương và địa phương.</p> <p>- Xây dựng các chương trình phối hợp liên ngành để tăng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển chung, trong đó có nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể thao và du lịch.</p> <p>- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch để đảm bảo việc thực hiện tốt các quy định đề ra.</p>	Bộ VH
15	<p>- Các tỉnh trong vùng cần rà soát quy hoạch đô thị phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đang được Bộ KHĐT tổ chức lập; triển khai lập quy hoạch tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng khung hành lang pháp lý, chính sách, chương trình hành động toàn vùng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Lập quy hoạch và dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung toàn vùng. Khảo sát đánh giá trữ lượng nước ngầm toàn vùng và các khu vực. Lập quy hoạch môi trường và mạng lưới quan trắc môi trường toàn vùng.</p> <p>- Đề nghị các địa phương chủ động triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các chương trình, chính sách nêu trên theo nguyên tắc huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau; đồng thời lồng ghép vào các chương trình khác như Chương trình nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững để bảo đảm có thêm nguồn lực thực hiện và tránh đầu tư dàn trải.</p> <p>- Tiếp tục triển khai thi công các cụm, tuyến dân cư tập trung, vượt lũ đồng thời bố trí ổn định chỗ ở cho dân cư tại các cụm, tuyến đã hoàn thành. Các Sở Xây dựng của các tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với các ban ngành khác phục các tồn tại về tính thiếu đồng bộ về hạ tầng thiết yếu tại các khu vực vượt lũ đã xác định.</p>	Bộ XD
16	- Triển khai quy hoạch, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp y tế cho phù hợp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế tại	Bộ YT

địa phương, tập trung kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế trong hoạt động khám chữa bệnh, thực hiện giá dịch vụ y tế; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác đầu tư xây dựng, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị, xã hội hóa, sử dụng Quỹ BHYT để chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm nếu có.

- Triển khai quyết liệt Đề án 2348 xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở; đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe, lập hồ sơ sức khỏe, tập huấn và triển khai theo dõi, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế. Xây dựng và triển khai các chính sách để duy trì, thu hút nhân lực cho tuyến dưới, tăng cường luân phiên cán Bộ YT.

- Có cơ chế, chính sách đãi ngộ để thu hút các bác sỹ có trình độ, tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên cán Bộ YT từ tuyến trên xuống tuyến dưới, phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh ở các tỉnh vùng ĐBSCL.

- Chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia BHYT đã được Thủ tướng giao. Bảo đảm ngân sách mua thẻ BHYT cho các đối tượng được nhà nước hỗ trợ 100%, ưu tiên bố trí ngân sách để hỗ trợ hộ gia đình cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình tham gia BHYT. Thúc đẩy bao phủ BHYT đối với học sinh, sinh viên.

- Tiếp tục tăng chi cho y tế với tốc độ tăng cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của NSNN, dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng, sử dụng phần kinh phí dành ra từ giảm chi thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập y tế, được sử dụng theo đúng nguyên tắc của Nghị quyết số 70/2018/QH14 ngày 09/11/2018 của Quốc hội: dành 50% bổ sung nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong lĩnh vực hành chính và các lĩnh vực có đơn vị sự nghiệp; dành 50% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực y tế không điều chuyển sang lĩnh vực chi khác.

- Tiếp tục chỉ đạo, bố trí ngân sách cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập không bảo đảm bù đắp chi phí từ nguồn thu qua giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế giao phương án tự chủ cho các cơ sở khám chữa bệnh phù hợp với khả năng của cơ sở khám chữa bệnh và lộ trình kết cấu chi phí vào giá dịch vụ khám chữa bệnh, tránh việc cơ sở khám chữa bệnh phải tăng thu bằng mọi cách để tự chủ, dẫn tới lạm dụng chi định dịch vụ kỹ thuật, thuốc và dịch vụ ngày giường bệnh.

- Bố trí đủ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ

	<p>chi của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ TC; Bố trí đủ kinh phí cho các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương và Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo đúng các nội dung đã được phê duyệt.</p>	
17	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao sức cạnh tranh của địa phương; chú trọng công tác quy hoạch, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương; đẩy mạnh liên kết nội vùng và ngoại vùng; hình thành các khu, vùng, chuỗi sản xuất ứng dụng công nghệ cao, hướng tới tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử và có giải pháp khuyến khích ứng dụng công nghệ số vào hoạt động công vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trên địa bàn. - Tiếp tục tạo điều kiện để các TCTD trên địa bàn mở rộng mạng lưới hoạt động, cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại; tiếp tục phối hợp với ngành Ngân hàng trong triển khai các chương trình, chính sách tín dụng phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực thế mạnh của địa phương; tăng cường kết nối, đối thoại chính quyền - ngân hàng - doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, tăng khả năng cung ứng và tiếp cận dịch vụ ngân hàng. - Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, thủ tục giao dịch bảo đảm và các thủ tục hành chính liên quan nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân trong quan hệ với ngân hàng; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV; - Đẩy nhanh tiến độ thi hành án và quá trình xử lý tài sản đảm bảo đối với các tài sản đã có quyết định thi hành án, hỗ trợ các TCTD trong việc thu hồi vốn; - Đẩy mạnh việc ủy thác nguồn vốn từ ngân sách địa phương qua Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) để bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo, các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn; tạo điều kiện cho NHCSXH hoạt động ổn định, bền vững. 	NHNN
18	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc, trong đó xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình mới theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV. - Thực hiện các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS&MN. Kiện toàn cơ quan làm công 	UBND

<p>tác dân tộc cấp tỉnh, huyện; bố trí cán bộ đủ phẩm chất, năng lực để lãnh đạo và triển khai thực hiện công tác dân tộc, <i>tăng cường bố trí cán bộ là Tỉnh ủy viên, Huyện ủy viên làm lãnh đạo cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện</i>, để có điều kiện tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030. Đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác cán bộ vùng DTTS và cán bộ là người DTTS; có giải pháp khắc phục tình trạng tỷ lệ cán Bộ NGười DTTS trong hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành còn chưa đáp ứng yêu cầu và có xu hướng giảm².</p> <p>- Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn.</p>
--

² BCH Trung ương Đảng khóa XII có 17 Ủy viên là người DTTS (chiếm 8,5%); khóa XIII có 13 Ủy viên là người DTTS (chiếm 6,5%), giảm 04 người so với khóa XII.

Phụ lục 4

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Theo Báo cáo tổng kết Nghị quyết 21-NQ/TW của các địa phương)

1- Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư: Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành nghị quyết mới về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 có 05/13 tỉnh.

2- Đối với Đảng đoàn quốc hội: Có 01/13 tỉnh đề nghị.

3- Đối với Ban cán sự đảng Chính phủ, bộ ngành: Có 11/13 tỉnh đề xuất, kiến nghị. Riêng 02 tỉnh: Trà Vinh và Cần Thơ không có ý kiến đề xuất, kiến nghị.

4- Đối với các Ban đảng Trung ương: Có 01/13 tỉnh đề nghị Ban Kinh tế Trung ương (tỉnh Đồng Tháp).

TT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	Tỉnh
I	ĐỐI VỚI BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ	
	(1) Sau khi Trung ương tổng kết Nghị quyết số 21-NQ/TW và Kết luận số 28-KL/TW, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Nghị quyết mới về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045; (2) Ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội Tiểu vùng Bán đảo Cà Mau (<i>Bạc Liêu – Sóc Trăng – Cà Mau – Kiên Giang</i>). (đề xuất thêm của Bạc Liêu).	An Giang Bạc Liêu Cà Mau Hậu Giang Kiên Giang
II	ĐỐI VỚI ĐẢNG ĐOÀN QUỐC HỘI	
	Đề khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế, thực hiện mục tiêu quyết tâm đưa Cà Mau phát triển nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển với các địa phương trong thời gian tới, đề xuất Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, ban hành “ <i>Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Cà Mau</i> ” với một số cơ chế	Cà Mau

	<p>riêng như: Cơ chế về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; cơ chế về phân bổ vốn đầu tư công; cơ chế về đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng; cơ chế về thu hút đầu tư, ưu đãi đầu tư; cơ chế về thuế... Hiện nay, các thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết để phát triển riêng; ngoài ra, đối với một số tỉnh, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết riêng như: Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	
III	ĐỐI VỚI BAN CÁN SỰ ĐẢNG CHÍNH PHỦ, BỘ, NGÀNH	
1	<p>1. Xuất phát từ thực tế trên, đề xuất nội dung Nghị quyết mới cần quan tâm và có giải pháp thực hiện hiệu quả đối với các vấn đề sau:</p> <p>(1) <i>Thứ nhất</i>, sạt lở ở Đồng bằng sông Cửu Long đang diễn ra hết sức phức tạp với tần suất ngày càng tăng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân, tuy nhiên chưa được đề cập trong phương hướng quy hoạch;</p> <p>(2) <i>Thứ hai</i>, đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng thông tin và các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp mạnh mẽ hơn để tăng khả năng thu hút đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp phù hợp cho vùng đồng bằng sông Cửu Long (công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động...), để giải quyết việc làm tại chỗ, giảm tỷ lệ xuất cư, góp phần cho tăng trưởng kinh tế;</p> <p>(3) <i>Thứ ba</i>, có chính sách cụ thể đầu tư cho giáo dục - đào tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là đào tạo nghề chất lượng cao phục vụ thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động;</p> <p>(4) <i>Thứ tư</i>, quan tâm đầu tư mang tính chiến lược cho lĩnh vực nông nghiệp, nhất là đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đầu tư bằng nguồn lực, chính sách cụ thể để quy hoạch lại các ngành hàng chủ lực, khuyến khích sản xuất tập trung, nâng cao giá trị nông sản có tính cạnh tranh trên thị trường.</p> <p>2. Tăng cường tiềm lực quân sự, quốc phòng cho các địa bàn biên giới giáp Campuchia như An Giang; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Quan tâm đầu tư hạ tầng kinh tế kỹ thuật: đường tuần tra biên giới, đường ra biên giới, cơ sở vật chất khu vực cửa khẩu... Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng các cụm, tuyến dân cư biên giới, nâng cao đời sống của Nhân dân khu vực biên giới... để Nhân dân bám biên giới, góp phần giữ</p>	An Giang

	<p>vững chủ quyền lãnh thổ, hạn chế các loại tội phạm, tệ nạn xã hội qua biên giới.</p> <p>3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế phối hợp với chính quyền, các lực lượng vũ trang Campuchia để giữ gìn an ninh biên giới, đặc biệt là các khu vực chưa phân giới cắm mốc; bảo vệ quyền lợi cho người dân qua lại biên giới làm ăn, sinh sống và Việt kiều ở Campuchia.</p>	
2	<p>1. Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hút đầu tư đặc thù tại vùng ĐBSCL nhằm tăng cường đầu tư, ưu tiên các nguồn từ vốn ODA, chương trình, dự án quốc gia; nhất là tăng thêm nguồn vốn đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là giao thông đường bộ, đường thủy và hạ tầng điện. - Tăng thêm nguồn vốn cho các tỉnh có tuyến đê biển xung yếu của khu vực ĐBSCL để xây dựng công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh. - Tăng cường liên kết vùng. - Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác hải sản vùng biển ven bờ hoặc nghề cắm khai thác sang phát triển các ngành nghề khác có cuộc sống ổn định hơn. <p>2. Chính phủ và bộ, ngành Trung ương hỗ trợ cho ĐBSCL các hoạt động liên kết vùng để phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng (lúa, tôm, trái cây,...); bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện các chương trình, dự án liên kết vùng.</p> <p>3. Chính sách thu hút đầu tư đặc thù tại vùng ĐBSCL nhằm tăng cường đầu tư, ưu tiên các nguồn từ vốn ODA, chương trình, dự án quốc gia.</p>	Bạc Liêu
3	<p>1. Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành đẩy nhanh tiến độ lập, trình phê duyệt các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng để các địa phương có căn cứ xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển phù hợp trong quá trình lập, trình phê duyệt Quy hoạch cấp tỉnh.</p> <p>2. Kiến nghị Chính phủ tiếp tục quan tâm và chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải xúc tiến các bước trình tự, thủ tục hồ sơ sớm khởi công triển khai đầu tư tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau từ năm 2022 và hoàn thành trong năm 2025. Đồng thời, giao Bộ Giao thông vận tải tiếp tục nghiên cứu việc đầu tư kéo dài tuyến cao tốc đến Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau để kết nối đồng bộ hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ Ai Nam Quan (tỉnh Lạng Sơn) đến Mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau).</p>	Cà Mau

	<p>3. Kiến nghị Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, bổ sung các dự án giao thông cấp bách, quan trọng của tỉnh vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 gồm: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Cà Mau - Năm Căn và đoạn Bạc Liêu - Cà Mau; đầu tư xây dựng mới tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam giai đoạn 2 (nối Quốc lộ 1 đến Khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm); nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 (kết nối với tỉnh Kiên Giang)...</p> <p>4. Kiến nghị Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính xúc tiến nhanh các bước thủ tục về cơ chế nguồn vốn để hoàn thành các thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng tuyến đường ven biển vùng ĐBSCL (từ Tiền Giang - Cà Mau - Kiên Giang).</p> <p>5. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL giải quyết tình trạng sạt lở bờ sông đang diễn ra nghiêm trọng; đồng thời, hỗ trợ các tỉnh ĐBSCL xây dựng các chương trình, dự án, sản phẩm liên kết vùng.</p> <p>6. Kiến nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ triển khai các dự án ưu tiên trong Quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong đó ưu tiên đầu tư dự án cấp nước từ sông Hậu về tỉnh Cà Mau.</p> <p>7. Hỗ trợ các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long giải quyết tình trạng sạt lở bờ sông đang diễn ra nghiêm trọng.</p> <p>8. Ưu tiên đầu tư dự án cấp nước từ sông Hậu về tỉnh Cà Mau, trong triển khai các dự án ưu tiên trong quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>	
4	<p>1. Kiến nghị Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cân đối, tăng vốn trái phiếu Chính phủ và vốn ngân sách Trung ương cho Chương trình xây dựng nông thôn mới, để tạo điều kiện cho địa phương thực hiện mục tiêu đến năm 2025 có 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đồng thời duy trì, nâng chất tiêu chí ở các xã đạt chuẩn nông thôn mới. - Ưu tiên bố trí nguồn vốn phân bổ cho các địa phương triển khai thực hiện các dự án liên kết tiểu vùng Đồng Tháp Mười và vùng ĐBSCL; để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ cần kêu gọi đầu tư nước 	Đồng Tháp

	<p>ngoài, các nguồn tài trợ phục vụ công tác nghiên cứu sâu về lĩnh vực cây trồng, chế biến, lai tạo giống mới thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu phục vụ các tỉnh trong vùng ĐBSCL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quan hệ đối ngoại, tác động Chính phủ Campuchia quan tâm giải quyết giấy tờ pháp lý, hỗ trợ người Campuchia gốc Việt ổn định cuộc sống, nhất là các hộ định sống trên nhà bè, ghe. <p>2. Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương</p> <p>2.1. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>Hỗ trợ cho các tỉnh vùng ĐBSCL giải quyết tình trạng sạt lở bờ sông đang diễn ra nghiêm trọng; đồng thời, hỗ trợ các tỉnh ĐBSCL xây dựng các chương trình, dự án, sản phẩm liên kết vùng, nhất là đối với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng (<i>lúa, thủy sản, trái cây, ...</i>).</p> <p>2.2. Kiến nghị Bộ Xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ triển khai các dự án ưu tiên trong Quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Sớm có cơ chế, chính sách để thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư trong đó có nguồn vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. - Xem xét phân bổ, hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự. 	
5	<p>1. Thực hiện Điều 58 Luật Đất đai, quy định việc thu hồi đất trồng lúa trên 10 ha phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. Thời gian qua nhiều dự án, kể cả dự án đầu tư công, phát triển công nghiệp, đô thị đều vướng thủ tục này nên kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, phát triển của tỉnh. Trước mắt chưa sửa đổi Luật Đất đai, tỉnh kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với diện tích đất trồng lúa (trên 10 ha) cần chuyển sang mục đích khác nhưng đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (trong đó có phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa cho mỗi địa phương), đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua việc thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa (trên 10 ha) và chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện việc chuyển đổi đất trồng lúa theo đúng quy định pháp luật về đất đai. - Dưới tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng hạn, mặn diễn 	Hậu Giang

biến ngày càng phức tạp làm cho điều kiện sản xuất của vùng đã thay đổi và lúa gạo không còn là ưu tiên số một. Do đó, việc xác định sản xuất đất trồng lúa phải thích ứng điều kiện tự nhiên, sinh thái của vùng, kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét giảm chỉ tiêu đất trồng lúa cho các tỉnh ĐBSCL, trong đó có tỉnh Hậu Giang đến năm 2030 còn khoảng 60.000 ha để phát triển dịch vụ, công nghiệp và đô thị.

2. Tỉnh Hậu Giang được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2004. Về biên chế: Xuất phát điểm về biên chế công chức của tỉnh Hậu Giang năm 2004 được Bộ Nội vụ phân bổ là 1.231 biên chế. Qua hơn 17 năm thành lập tỉnh đến nay số lượng biên chế công chức của tỉnh Hậu Giang được Bộ Nội vụ giao năm 2021 là 1.471 biên chế. Hậu Giang là một trong 03 tỉnh, thành có số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao thấp nhất so với các địa phương khác trong cả nước. Qua đó cho thấy, do xuất phát điểm về biên chế công chức của tỉnh Hậu Giang được phân bổ quá thấp nên về số lượng biên chế công chức hiện nay so với biên chế xuất phát điểm năm 2004 có tăng thêm nhưng số lượng biên chế công chức hiện tại so với yêu cầu của nhiệm vụ vẫn chưa thể đáp ứng. Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét phê duyệt, bổ sung biên chế công chức năm 2022: 1.556 biên chế công chức; tăng so với năm 2021 là 85 biên chế.

3. Đề nghị cho tỉnh vay vốn để giải phóng mặt bằng dự án giao thông trọng điểm có tính chất liên kết vùng và các tuyến cao tốc đi qua địa bàn.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh dự kiến sẽ triển khai các dự án giao thông trọng điểm có tính chất liên kết vùng và thực hiện giải phóng mặt bằng cho các tuyến cao tốc đi qua địa bàn với kinh phí rất lớn, ngân sách tỉnh không đảm bảo để thực hiện. Do vậy, để có nguồn vốn thực hiện trong thời gian tới kiến nghị trung ương phát hành trái phiếu chính phủ giai đoạn 2021 - 2025 để cho các địa phương vay lại, ngoài hạn mức vay của tỉnh theo quy định.

4. Đề nghị cho tỉnh tạm ứng kinh phí của Trung ương để giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các khu công nghiệp:

Hiện nay, nhu cầu mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư là rất lớn. Tuy nhiên, nguồn kinh phí của Tỉnh còn hạn hẹp chưa đáp ứng kinh phí bồi hoàn tạo quỹ đất sạch cho các khu công nghiệp. Đề xuất cho Tỉnh tạm ứng kinh phí phục vụ giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các khu công nghiệp trong thời gian tới. Thời gian hoàn trả tính theo thời gian bố trí vốn cho dự án (nhóm C 03 năm; nhóm B là 04 năm; nhóm A là 06 năm)

5. Tỉnh Hậu Giang được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết

	<p>định thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang tại Quyết định số 1152/QĐ-TTg ngày 27/8/2012; tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện gặp phải sự chông chéo về chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong Luật Công nghệ cao và các Luật về Đầu tư, Đất đai, Môi trường, Xây dựng. Luật Công nghệ cao được Quốc hội thông qua ngày 13/11/2008 nhưng chưa có nghị định hướng dẫn, kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định Quy định về quy chế quản lý hoạt động của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cả nước.</p>	
6	<p>Trung ương cần quan tâm tập trung ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chính sách do Trung ương đã ban hành đối với vùng đồng bằng Sông Cửu Long; đồng thời, rà soát, đánh giá để khắc phục tình trạng ban hành nhiều chính sách, phân tán, thiếu nguồn lực để thực hiện.</p> <p>1. Cho chủ trương vay, cơ chế tài chính của khoản vay và thống nhất với đề xuất các dự án nhằm tạo sự gắn kết của các tỉnh từ khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu (DPO) với tổng mức khoảng 2 tỷ USD, vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) và các nhà tài trợ khác.</p> <p>2. Cho các huyện có đảo xây dựng đề án khu kinh tế đối với các huyện có đảo như khu kinh tế Kiên Lương, Kiên Hải và toàn bộ thành phố Hà Tiên.</p> <p>3. Bổ sung quy hoạch tuyến cao tốc thứ 3 tiếp giáp biên giới Campuchia, kết nối từ TP. Hồ Chí Minh - Hồng Ngự - Châu Đốc - Hà Tiên.</p> <p>4. - Trong ngắn hạn, cần xem xét sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các chính sách theo hướng: Có cơ chế cho phép khoan nợ đối với các trường hợp tàu khai thác thủy sản hoạt động kém hiệu quả, tàu nằm bờ trong thời gian chờ xây dựng định hướng chuyển đổi ngành nghề. Xem xét bổ sung chính sách hỗ trợ đầu tư giảm tổn thất sau khai thác, nuôi trồng thủy, chế biến thủy sản. Lý do: Bảo quản sau thu hoạch đối với lĩnh vực thủy sản rất quan trọng, việc đầu tư trang thiết bị hỗ trợ rất lớn, nhưng hiện nay chưa có chính sách cụ thể đối với khâu quan trọng này (trước đây có Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, tuy nhiên sau ngày 31/12/2020, Ngân sách nhà nước ngừng hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất đối với khoản vay theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg).</p> <p>Đối với chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ: Cho phép kéo dài thời gian thực hiện đối với một số chính sách như: Chính sách đầu tư (quy định tại Điều 3); chính sách</p>	Kiên Giang

bảo hiểm (quy định tại Điều 5); chính sách ưu đãi thuế (quy định tại Điều 6); một số chính sách khác (quy định tại Điều 7); chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư (quy định tại Điều 4a). Bổ sung quy định cho phép các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ được hưởng hỗ trợ lãi suất gồm: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; (ii) Tàu vay vốn theo Nghị định 67 đã hoạt động nhưng không hiệu quả thực hiện chuyển đổi nghề hoạt động sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản, phù hợp với chủ trương phát triển thủy sản bền vững của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và địa phương. Quy định chế tài, biện pháp xử lý mang tính chất răn đe đối với các chủ tàu được thụ hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước theo Nghị định 67 vi phạm các quy định pháp luật hiện hành; tàu khai thác hoạt động không đúng ngành nghề phê duyệt; có khả năng trả nợ vay nhưng cố tình chây ì, không thực hiện theo đúng cam kết trả nợ.

- Trong giai đoạn tiếp theo: Để phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang các ngành, nghề khác nhất là việc chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản vùng ven bờ, các nghề khai thác xâm hại, hủy diệt nguồn lợi thủy sản, cấm, hạn chế khai thác có thời hạn đối với các nghề có mức độ xâm hại cao, cùng với đó là chính sách hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản. Cần bổ sung cơ chế, chính sách phát triển mô hình nuôi trồng thủy sản nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường.

5. - Chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; cụm, tuyến dân cư; xây dựng các nhà máy xí nghiệp vừa và nhỏ ở các khu vực trọng điểm trên tuyến biên giới để tạo công ăn, việc làm cho người dân ổn định cuộc sống, gắn với củng cố khu vực phòng thủ.

- Sớm thành lập huyện đảo Thổ Châu để tăng cường cơ sở pháp lý, bảo đảm tính nhanh, nhạy, kịp thời trong công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và phòng thủ trên hướng Biển Tây. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh đối với các đảo có vị trí chiến lược như Thổ Chu, Phú Quốc, Nam Du.

- Đề nghị Bộ Quốc phòng phối hợp các bộ, ngành Trung ương hỗ trợ, giúp tỉnh Kiên Giang đẩy nhanh tiến độ thực hiện chiến lược biển theo Nghị quyết số 36-NQW/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời sớm triển khai Đề án tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế-xã hội trên tuyến biên giới và vùng biển đảo Tây Nam trong tình hình mới.

- Chỉ đạo các tập đoàn kinh tế lớn tăng cường nghiên cứu, thâm

	<p>nhập địa bàn, đầu tư phát triển kinh tế vào Campuchia một cách hiệu quả, lâu dài để tạo thế đang xem lợi ích, góp phần giữ vững, củng cố mối quan hệ hữu nghị, bền vững với Campuchia.</p>	
7	<p>1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện thể chế điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tăng cường vai trò của các địa phương trong Hội đồng điều phối vùng; thu hút sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia kinh tế vào việc thực hiện các hoạt động liên kết, xây dựng Quy chế liên kết vùng.</p> <p>2. Nghiên cứu ban hành cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp và các tổ chức, cộng đồng, người dân tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, phát triển các cụm ngành kinh tế nông nghiệp của vùng.</p> <p>3. Nghiên cứu ban hành cơ chế đặc thù nhằm đẩy mạnh thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>4. Nghiên cứu ban hành cơ chế ưu tiên công tác phát triển giáo dục và đào tạo, có giải pháp căn cơ, bền vững phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu nguồn nhân lực chung cho Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu phát triển.</p> <p>5. Nghiên cứu ban hành giải pháp hài hòa, linh hoạt và có cơ chế tăng tính chủ động của địa phương trong quản lý, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, nhất là đất lúa để phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương với phương châm vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa tạo điều kiện thuận lợi nhất để các địa phương phát triển công nghiệp, thương mại, dân cư đô thị.</p> <p>6. Nghiên cứu ban hành giải pháp cụ thể, tích cực hỗ trợ vùng Đồng bằng sông Cửu Long có bước chuyển mình trong việc phát triển kinh tế công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</p> <p>7. Kiến nghị xem xét thống nhất chủ trương bổ sung Khu Kinh tế ven biển Long An vào Quy hoạch phát triển khu kinh tế Việt Nam. Việc phát triển Khu kinh tế ven biển Long An sẽ góp phần hoàn thiện kết nối giữa Vùng Đồng bằng sông Cửu Long với Tam giác tài chính - kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai, tiến tới thúc đẩy phát triển toàn Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua việc hình thành nên trục kinh tế mới trong khu vực.</p> <p>8. Xem xét lại quy định tại Điều 58, Luật Đất đai năm 2013.</p> <p>9. Bổ sung Khu kinh tế tỉnh Long An vào Quy hoạch các khu kinh tế Việt Nam với diện tích 13.080 ha.</p> <p>10. Kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5,</p>	Long An

	<p>Điều 1, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2013 theo hướng cho phép hạch toán và khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản kinh phí doanh nghiệp đóng góp vốn vào đầu tư các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khi được địa phương xác nhận hoặc ghi nhận các khoản đóng góp này.</p> <p>11. Ban hành Quyết định mới về giá mua điện mặt trời; mua hết công suất điện mặt trời của các dự án đã thực hiện; tiếp tục xem xét bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2015 – 2020; Bổ sung các hạng mục công trình cấp điện cho đồn, trạm biên phòng để đưa dân ra sinh sống trên tuyến biên giới vào vào Quyết định 2081/QĐ-TTg và Quyết định số 1740/QĐ-TTg.</p> <p>12. Bổ sung một số hạng mục công trình giao thông: Quốc lộ 50B (Trục động lực kết nối Tiền Giang - Long An - Thành phố Hồ Chí Minh); Đường Hồ Chí Minh (đoạn Chợ Thành - Đức Hòa); Đường Vành đai 3 và Vành đai 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án nạo vét sông Soài Rạp.</p>	
8	<p>1. Kiến nghị Chính phủ sớm xem xét, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, có quy hoạch cảng biển nước sâu (Bến cảng Trần Đề) tại Sóc Trăng; đồng thời bổ sung nội dung này vào Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch có liên quan, tạo kết nối lưu thông vận tải giữa các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh, thành trên cả nước và quốc tế, kết hợp với công tác phòng, chống thiên tai, củng cố quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung cũng như tỉnh Sóc Trăng nói riêng.</p> <p>2. Chính phủ sớm triển khai đầu tư các tuyến giao thông huyết mạch, quan trọng của vùng. Cụ thể: Tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Cần Thơ - Cà Mau; tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (điểm cuối kết nối vào Quốc lộ Nam Sông Hậu tại huyện Trần Đề), đặc biệt là tuyến động lực ven biển nối thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long (qua Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang).</p> <p>3. Chính phủ sớm đầu tư cầu Đại Ngãi để kết nối tuyến Quốc lộ 60 đến các cửa khẩu quốc tế, cảng biển nước sâu, các trung tâm kinh tế trong vùng, phát triển hành lang kinh tế ven biển gắn với dịch vụ logistic, các mô hình du lịch sinh thái, trải nghiệm, khám phá; đồng thời, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>	Sóc Trăng

	<p>4. Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương quan tâm bố trí nguồn lực hỗ trợ các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần phát huy Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.</p> <p>5. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận việc chuyển đổi phương án từ nhiệt điện than sang điện khí hoá lỏng (LNG) đối với dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 2 và Long Phú 3 nhằm góp phần hạn chế tác động đến môi trường; các bộ, ngành liên quan tiếp tục quan tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ, đưa Dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1 sớm đưa vào vận hành.</p> <p>6. Kiến nghị Trung ương quan tâm, ban hành cơ chế thành lập Trường dự bị Đại học dân tộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh dân tộc thiểu số được tiếp tục học đào tạo sau bậc học phổ thông, góp phần nâng cao trình độ dân trí, phát huy bảo tồn văn hoá dân tộc, hình thành nguồn nhân lực khu vực đồng bằng sông Cửu Long.</p>	
9	<p>1. Trung ương sớm nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đối với các dự án thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, liên kết giữa các ngành, địa phương; chủ trương về tích tụ ruộng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh mạnh mẽ.</p> <p>2. Kiến nghị Chính phủ cho triển khai đầu tư xây dựng: (1) công ngăn mặn sông Hàm Luông cho tỉnh Tiền Giang và Bến Tre và công ngăn mặn kênh Nguyễn Tấn Thành cho các tỉnh Tiền Giang, Long An và Đồng Tháp để chủ động trong công tác phòng, chống hạn mặn và phục vụ sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt như hiện nay và những năm tiếp theo; (2) đề xuất nghiên cứu hồ trữ nước ngọt cho tỉnh; (3) cần có sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách, nguồn vốn đầu tư cho các nội dung liên kết vùng, kể cả có hướng dẫn về cơ chế tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết giữa các địa phương trong vùng.</p> <p>3. Đề xuất các tỉnh trong vùng cần phối hợp thiết lập hệ thống thông tin và cung cấp thông tin vùng tạo thành một hệ thống thông tin nhanh, kịp thời, chính xác, phổ biến rộng rãi đến mọi đối tượng</p>	Tiền Giang

	<p>có nhu cầu quan tâm, nhất là các lĩnh vực, nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách, các thông tin cơ bản..., đáp ứng cho nhu cầu tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong vùng và của toàn vùng.</p> <p>4. Sớm xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi quy hoạch được phê duyệt; trong đó, thể hiện lộ trình triển khai các dự án đầu tư quan trọng có tính chất vùng; đồng thời, định kỳ hàng năm rà soát, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.</p> <p>5. Nghiên cứu xây dựng cơ chế phân chia lợi ích, chia sẻ tài chính và các nguồn thu từ các chương trình, dự án mang tính chất liên kết trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>6. Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí hoặc hướng dẫn cách thức lựa chọn các dự án mang tính chất liên vùng.</p>	
10	<p>1. Ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển ĐBSCL, ưu tiên các lĩnh vực như: năng lượng tái tạo, hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường... phục vụ chuyển đổi mô hình phát triển nhất là phát triển kinh tế nông nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng.</p> <p>2. Ban hành quy định phù hợp về tỷ lệ và thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp để có không gian phát triển nhanh công nghiệp.</p> <p>3. Có chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn sát thực tế và có tính ưu đãi vượt trội hơn các lĩnh vực và vùng khác, nhất là chính sách về tín dụng, đất đai để thu hút đầu tư mạnh cho phát triển kinh tế của vùng.</p>	Vĩnh Long
11	<p>1. Ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển ĐBSCL, ưu tiên các lĩnh vực như: năng lượng tái tạo, hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường... phục vụ chuyển đổi mô hình phát triển nhất là phát triển kinh tế nông nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng.</p> <p>2. Ban hành quy định phù hợp về tỷ lệ và thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp để có không gian phát triển nhanh công nghiệp.</p> <p>3. Có chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn sát thực tế và có tính ưu đãi vượt trội hơn các lĩnh vực và vùng khác, nhất là chính sách về tín dụng, đất đai để thu hút đầu tư mạnh cho phát triển kinh tế của vùng.</p>	Vĩnh Long
IV	ĐỐI VỚI CÁC BAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG	
	Kiến nghị Ban Kinh tế Trung ương: Xem xét, rà soát, sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết thi hành	Đồng

	<p>kèm theo tại Phụ lục 2. Thay đổi tư duy và cách tiếp cận việc quy hoạch sử dụng đất; thực hiện quy hoạch sử dụng đất theo vùng kinh tế, hạn chế quy hoạch theo địa giới hành chính để từng bước phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Chú trọng triển khai thực hiện quy hoạch và khai thác, sử dụng diện tích bên cạnh các công trình hạ tầng giao thông để khai thác nguồn lực từ đất; có chính sách phân bổ đất hợp lý, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.</p>	Tháp
--	--	------

Phụ lục 5

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN TRIỂN KHAI CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ, NGÀNH TRIỂN KHAI

NGHỊ QUYẾT 21-NQ/TW, KẾT LUẬN 28-KL/TW

1. Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010;
2. Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án thành lập vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long;
3. Quyết định số 113/2009/QĐ - TTg ngày 11/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 26/2008/QĐ-TTg về ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010;
4. Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;
5. Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020;
6. Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng;
7. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
8. Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12/02/2014 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến 2030;
9. Quyết định số 941/QĐ-TTg, ngày 25/6/2015 về việc thành lập tổ chức điều phối phát triển vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020;
10. Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày 24/11/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020;
11. Quyết định số 2360/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020;
12. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Đề án thí điểm, hoàn thiện mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020;

13. Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020.

14. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

15. Nghị quyết số 136/NQ-HĐV ngày 21/11/2016 của Hội đồng vùng kích tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long;

16. Quyết định số 625/QĐ-BKHĐT ngày 05/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

17. Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 về việc phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017- 2020;

18. Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

19. Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025;

20. Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

21. Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025;

Phụ lục 6

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CHO DỰ THẢO BÁO CÁO TỔNG KẾT
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

TT	Nội dung
1	KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
2	KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI
3	KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUY HOẠCH, HẠ TẦNG, CƠ CHẾ - CHÍNH SÁCH
4	KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG
6	BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU
7	NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
8	KIẾN NGHỊ
9	CÁC NỘI DUNG KHÁC

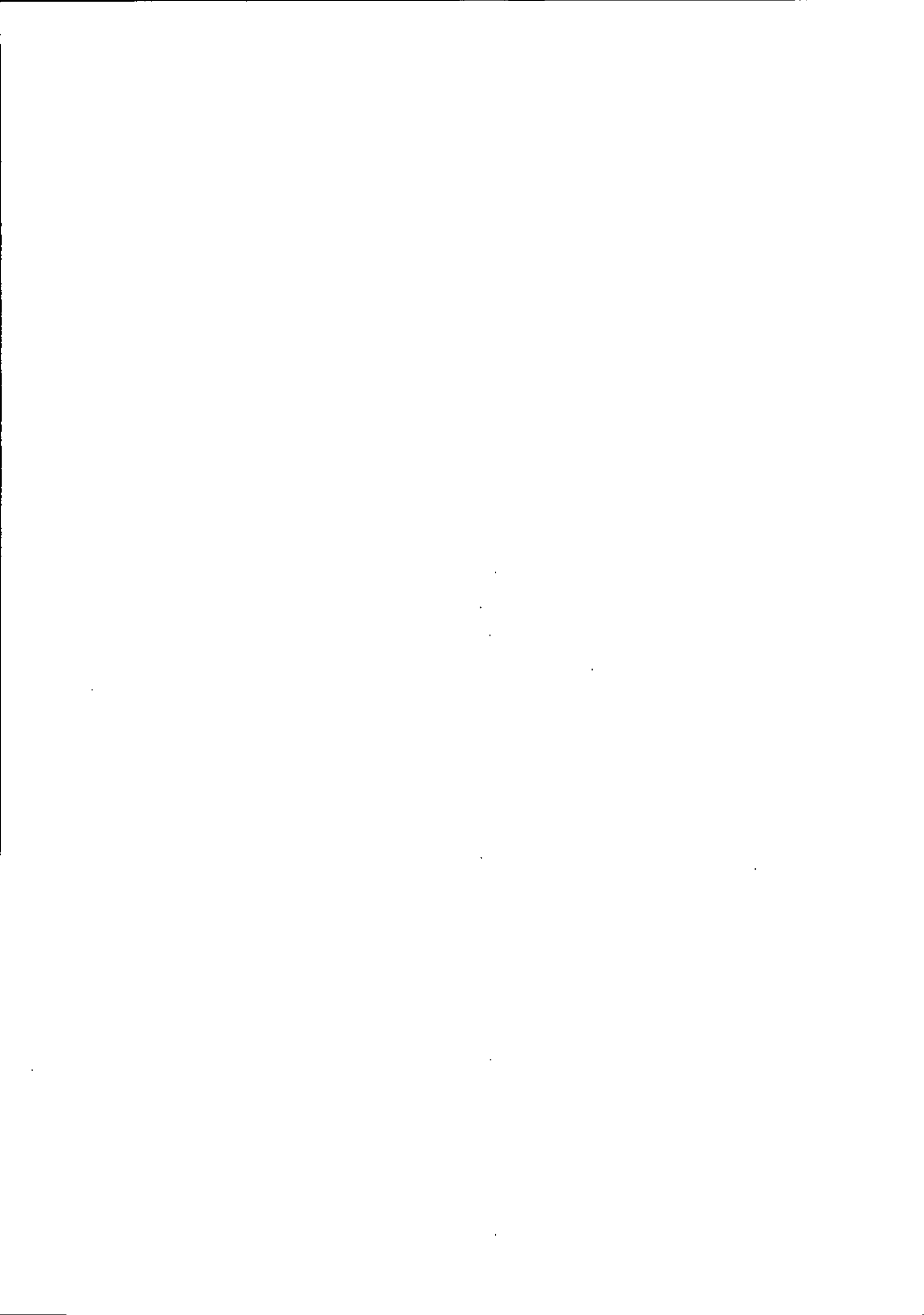


I. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ KHĐT	<p>Về đánh giá kết quả đạt được các đánh giá kết quả đã đạt được theo các ngành, lĩnh vực cụ thể (kinh tế, văn hóa - xã hội, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển đô thị...) nên xem xét từ chủ trương, định hướng phát triển, mục tiêu Nghị quyết đến kết quả thực hiện, từ đó có sự so sánh và cơ sở để đánh giá những thành tựu đạt được, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Đối với từng ngành, lĩnh vực, đề nghị xem xét, bổ sung đánh giá kết quả một số nội dung đã nêu tại Nghị quyết số 21-NQ/TW</p> <p>Về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp (trang 14 : Kết quả đưa công nghệ sinh học vào sản xuất để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất trên một ha đất canh tác. Kết quả thực hiện bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn ven biển, rừng nguyên sinh Phú Quốc, khôi phục, trồng mới rừng tràm ở vùng trũng, chua phèn thuộc vùng Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau; khôi phục lại rừng U Minh bị cháy. Kết quả phát triển đánh bắt xa bờ, dịch vụ nghề cá; phát triển công tác khuyến ngư, đào tạo nghề cho ngư dân, giúp đỡ các hộ ngư d.n chuyên đổi ngành nghề sản xuất</p> <p>Về phát triển công nghiệp (trang 12): đánh giá chính sách khuyến khích doanh nghiệp ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân</p> <p>Về phát triển dịch vụ (trang 16): Kết quả xây dựng trung tâm thương mại cấp vùng ở Cần Thơ. Phát triển có hiệu quả các khu kinh tế cửa khẩu, các chợ biên giới quan trọng. Bổ sung đánh giá việc xây dựng huyện đảo Phú Quốc thành một trung tâm du lịch lớn của nước ta.</p> <p>Về phát triển các khu công nghiệp, trung tâm điện lực (trang 21): đề nghị bổ sung các trung tâm điện lực Ô Môn tại Cần Thơ, nhà máy nhiệt điện Duyên Hải tại Trà Vinh.</p> <p>Về phát triển các vùng kinh tế trọng điểm (trang 24): đề nghị đưa các điểm hạn chế sang phần II, trang 45 của dự thảo Báo cáo (về các hạn chế, yếu kém).</p>	<p>Trong BC tại các Footnote đã có những đánh giá kết quả thực hiện theo NQ21</p> <p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>TBT muốn đánh giá riêng về Vùng KTTĐ ĐBSCL</p>	

	<p>- Tại Chú thích số 76 (trang 20), đề nghị điều chỉnh lại kết quả thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19 như sau: Năm 2020, các TCTD trên địa bàn vùng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 12.044 khách hàng với dư nợ 6.927 tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 5.813 khách hàng với dư nợ 2.604 tỷ đồng, cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23/1 đến 31/12/2020 đạt 194.053 tỷ đồng cho 82.760 khách hàng.</p>	Tiếp thu, điều chỉnh vào BC	
2	<p>NHNN</p> <p>- Tại điểm 1.3.3 mục I Phần II (trang 21), đề nghị bổ sung kết quả đầu tư tín dụng của hệ thống các TCTD phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng DBSCL. Theo đó, đến cuối năm 2020, tổng dư nợ khu vực DBSCL đạt 778.626 tỷ đồng, tăng gấp 16,7 lần so với năm 2003, chiếm tỷ trọng 8,5% tổng dư nợ toàn quốc; bình quân giai đoạn 2003-2020, tăng 18,7%/năm (tăng trưởng tín dụng toàn quốc bình quân cùng giai đoạn đạt 23,24%). Vốn tín dụng đã tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của vùng, đặc biệt là nông nghiệp, nông thôn tăng bình quân 18,2% và chiếm gần 50% dư nợ tín dụng chung của vùng.</p>	Tiếp thu, bổ sung BC	
3	<p>Bạc Liêu</p> <p>Trang 11, đánh giá: Đóng góp năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), giai đoạn 2013-2020: 39,4% gần bằng với mức TFP bình quân cả nước. Tuy nhiên, tại trang 45, phần ghi chú (Footnotes) 210: Giai đoạn 2010-2015 khoảng 26%, giai đoạn 2016-2020: 31,22% thấp hơn bình quân chung cả nước. Cần thống nhất thời gian, dữ liệu.</p>	Đây là 2 đánh giá của 2 đơn vị khác nhau cho 2 mục khác nhau	
4	<p>Cà Mau</p> <p>Tại mục 1.2.1. (Phân phát triển công nghiệp), trang 12: Thứ hạng đóng góp công nghiệp của vùng đồng bằng sông Cửu Long so với các vùng kinh tế trong cả nước, đề nghị điều chỉnh 5/6 (trong dự thảo báo cáo ghi xếp hạng 6/5).</p>	Lỗi đánh máy. Tiếp thu và chỉnh sửa	

5	<p>Về tốc độ tăng trưởng kinh tế (Trang 10 dự thảo Báo cáo): Giai đoạn 2011-2015 đạt 6,5% cao hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước (6,2%); 2016-2020, tốc độ tăng trưởng toàn Vùng là 5,8%, thấp hơn so với cả nước (6,2%). Tuy nhiên, tại đoạn 2, trang 12: “Tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011-2015 đạt 6,4%, giai đoạn 2016-2020 đạt 5,8% cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước”. Tại phần chú thích số 209 về hạn chế, yếu kém thứ 1 (trang 45) cũng nêu: “Giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng GRDP là 5,8%, thấp hơn so với cả nước (6,2%)”. Đề nghị điều chỉnh số liệu, đánh giá lại cho thống nhất.</p>	GRDP bình quân đầu người và Quy mô GRDP. Tiếp thu và sửa lại chỉ tiêu cho chính xác
Tiền Giang	<p>Đề nghị xem lại nhận định: “Tỷ trọng khu vực dịch vụ giảm nhẹ từ 38,7% năm 2010 lên 42,6% năm 2015 và đạt 36,1% năm 2020” (Trang 10), nên sửa lại là “tăng từ 38,7% lên 42,6% (...).</p>	Tiếp thu, sắp xếp lại câu văn cho hợp lý
	<p>Về phát triển công nghiệp (Trang 13): Đề nghị xem lại tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại đoạn 1 là chiếm 80,74% năm 2020; đoạn 2 lại ghi là “hiện chiếm trên 90%...” (báo cáo này tính đến cuối năm 2020, hay “đến nay”, tức thời điểm ban hành Báo cáo, đề nghị có sự thống nhất đánh giá).</p>	Tiếp thu, bổ sung vào BC



2. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ KHĐT	<p>Về phát triển văn hóa và thể thao (trang 24): xem xét bổ sung theo nhiệm vụ, giải pháp về việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của hơn 1,3 triệu đồng bào Khơ - me và cư dân vùng thường xuyên ngập lũ.</p> <p>Về phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội (trang 26-27): đề nghị bổ sung đánh giá tình trạng di cư lao động đến vùng Đông Nam Bộ đã diễn ra trong giai đoạn vừa qua, đánh giá tác động về lâu dài đã ảnh hưởng đến khả năng thiếu hụt nguồn nhân lực tại chỗ của Vùng.</p> <p>Đối với phần ghi chú tên các cơ chế, chính sách phát triển các ngành nghề tại mục 2.2.2 (trang 8 của dự thảo): Đề nghị bổ sung Quyết định số 2227/QĐ-TTg ngày 18/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>đã có đánh giá khái quát trong BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung BC</p>	
2	Bộ VH	<p>Đối với kết quả phát triển du lịch tại mục 1.2.3 (trang 17 của dự thảo):</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa BC</p>	
3	Bộ KH&CN	<p>Đối với kết quả phát triển văn hóa, thể thao tại mục 2.1 (trang 24 của dự thảo): Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng phát triển một số lĩnh vực của ngành văn hóa như điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm...(theo Báo cáo tổng kết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).</p> <p>Tại mục 2.5. Phát triển KH&CN (trang 28), đề nghị xem xét bổ sung: lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã tập trung nghiên cứu, xây dựng các luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững của vùng Tây Nam Bộ. Đề xuất được các giải pháp KH&CN góp phần thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết ngoại vùng trong phát triển bền vững.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung BC</p>	

4	<p>UBDT</p> <p>- <i>Tại tiết 5.3. Kết cấu hạ tầng cho phát triển văn hóa xã hội:</i> Đề nghị thay lại chú thích số 170 của câu: “Đã ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển giáo dục khu vực dân tộc, biên giới và đầu tư hạ tầng giáo dục đối với nơi khó khăn” để phù hợp với tiêu đề mục 5.3. Nội dung chú thích thay đổi là: “Chính sách hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên ở trường chuyên biệt, trường phổ thông địa bàn đặc biệt khó khăn được quan tâm. 100% xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn, biên giới có trường tiểu học, trung học cơ sở; 99,7% xã có trường mầm non, mẫu giáo. Đã xây dựng được 2.422 trường học với 1.439 điểm trường kiên cố đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em các dân tộc”.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa BC	
	<p>- <i>Tại tiết 6.1. Thực hiện các quy hoạch, kế hoạch và phân bổ nguồn lực của Vùng:</i> Đề nghị bỏ câu “... Hoàn thành chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo...”. Do sau nhiều năm thực hiện chính sách về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ dân tộc thiểu số nghèo vẫn chưa giải quyết được dứt điểm và triệt để. Hiện còn nhiều hộ DTTS nghèo, hộ nghèo tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn chưa được hưởng chính sách, cần được hỗ trợ: Còn 5.768 hộ DTTS nghèo, hộ người Kinh nghèo tại các xã và thôn DBKK chưa có đất ở, 67.254 hộ cần hỗ trợ về đất sản xuất, 69.964 hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề do thiếu đất sản xuất, 2.362 hộ cần hỗ trợ nhà ở.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa BC	
5	<p>An Giang</p> <p>Về Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ: Cần đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg, ngày 30/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015; Chương trình khoa học và Công nghệ cấp nhà nước phục vụ phát triển vùng Tây Nam Bộ 2014 - 2019. Đề làm nổi bật hơn về kết quả đạt được, cũng như sự quan tâm của Chính phủ đối với vùng DBSCL.</p>	đã có đánh giá khái quát trong BC	
	<p>Mục 1.2.3. (Đối với phát triển du lịch tại vùng đồng bằng sông Cửu Long), trang 18: Bổ sung Lễ hội Nghinh Ông Sông Đốc, tỉnh Cà Mau; vì đây là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia được tổ chức hàng năm, thu hút số lượng lớn khách du lịch tham gia.</p>	Tiếp thu, bổ sung BC	

3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUY HOẠCH, HẠ TẦNG, CƠ CHẾ - CHÍNH SÁCH

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ KHĐT	<p>Về hạ tầng giao thông, vận tải (trang 33): Đề nghị bổ sung các số liệu về phát triển hạ tầng giao thông, gồm số km đường cao tốc, quốc lộ được xây dựng làm mới và nâng cấp. Đánh giá việc xây dựng các tỉnh lộ, huyện lộ quan trọng, bảo đảm yêu cầu đi lại bình thường của người dân trong mùa lũ như Nghị quyết số 21-NQ/TW đã đề ra</p> <p>Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (trang 30): Đề nghị bổ sung đánh giá tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn trong các năm qua, các tác động tiêu cực đến ngành nông nghiệp và đời sống người dân trong Vùng</p>	<p>Đã có trong Footnote</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	
		<p>Đề xây dựng quan điểm, mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Báo cáo cũng đã đánh giá đầy đủ về bối cảnh trong nước, quốc tế và những vấn đề đặt ra về thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>Về quan điểm, việc lựa chọn mục tiêu phát triển kinh tế của từng tỉnh/thành phố cần căn cứ vào tình hình thực tế (điều kiện địa lý, đất đai, thổ nhưỡng, đầu mối giao thông kết nối...) để lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển, không áp dụng mô hình phát triển kinh tế chung cho cả vùng (mỗi tỉnh có lợi thế khác nhau như: nông nghiệp, thủy sản, du lịch, công nghiệp chế biến, dịch vụ...), do vậy đề nghị Tổ biên tập nghiên cứu bổ sung quan điểm này.</p> <p>Mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã cơ bản bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Một trong những mục tiêu phát triển Vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong dự thảo báo cáo đến năm 2030 sẽ trở thành trung tâm năng lượng tái tạo, nông nghiệp hiện đại, đa dạng, năng động, hiệu quả theo hướng chuyển dịch nhanh mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, tập trung chuỗi giá trị toàn cầu, tuy nhiên tầm nhìn đến 2045 chỉ xác định là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, không đề cập định hướng phát triển lĩnh vực công nghiệp, đề nghị Tổ biên tập nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p>	

2	Bộ LĐ	<p>Cả nước có 1.911 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), bao gồm: 410 trường cao đẳng, 444 trường trung cấp, 1.057 trung tâm GDNN. Trong đó, vùng đồng bằng sông Cửu Long có 233 cơ sở GDNN (bao gồm: 40 trường cao đẳng, 49 trường trung cấp, 144 trung tâm GDNN) chiếm khoảng 12,2% tổng số cơ sở GDNN cả nước.</p> <p>Vùng đồng bằng sông Cửu Long có 67 cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: 17 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 05 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 14 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 02 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em (Làng trẻ SOS); 10 cơ sở bảo trợ trẻ em xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 12 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và 07 trung tâm công tác xã hội.</p>	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
3	Cần Thơ	<p>Đề nghị bổ sung nội dung: “thực hiện việc thăm dò, bảo quản và nạo vét Luồng Định An, kênh Quan Chánh Bốt”; “Hoàn thành việc mở rộng và nâng cấp Cảng Cần Thơ, đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Logistics trung tâm vận chuyển liên vùng tại Cần Thơ” vào kết quả xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, vận tải.</p>	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
		Đ/c Lê Quang Mạnh có Mội số ý kiến về Kết cấu hạ tầng cho phát triển các ngành kinh tế	Tiếp thu, chỉnh sửa vào BC	

4. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ QP	<p>Tại khoản VIII, Mục A, Phần II (trang 42), đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: Tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch, dự án và tham ra thẩm định, giám sát, xét duyệt, cấp phép đúng thẩm quyền; tham gia xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; xây dựng, quản lý tốt các khu kinh tế - quốc phòng được giao, làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyên truyền phổ biến pháp luật về quốc phòng, xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên quốc phòng; thực hiện có hiệu quả công tác chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trong vùng.</p> <p>Tại khoản II, Mục B, Phần II (trang 45), đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: Việc đầu tư cho xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ của một số địa phương trong vùng còn hạn chế. Chưa gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự, nhất là các công trình “ngầm hóa” lưỡng dụng, các công trình giao thông, thủy lợi, công trình đô thị chưa được chú trọng.</p> <p>Tại điểm 3.10, khoản III, Phần III (trang 79), đề nghị nghiên cứu bổ sung: Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng theo quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ bảo đảm tính lưỡng dụng, sẵn sàng phục vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, trình độ, khả năng SSCĐ của các lực lượng vũ trang địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p>	

5. ĐÁNH GIÁ CHUNG

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ CA	<p>Mục I và Mục II còn một số nội dung chưa logic, cụ thể: Mục I, đánh giá thành tựu nêu: Mục tiêu của Nghị quyết 21-NQ/TW, Kết luận 28-KL/TW đã cơ bản hoàn thành; kinh tế của Vùng tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng được củng cố với tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh; chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng hơn;... hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, kết nối giữa các địa phương trong và ngoài Vùng. Tuy nhiên, Mục II về hạn chế, yếu kém lại đánh giá tăng trưởng kinh tế của Vùng đã chậm lại một cách đáng kể, còn phụ thuộc lớn vào sản xuất nông nghiệp; một số chỉ tiêu về y tế đạt thấp so với toàn quốc, cả vùng chỉ có 01 bệnh viện đa khoa tuyến cuối, không có bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối; tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh vẫn thấp... Công tác lập quy hoạch xây dựng hạ tầng giao thông vận tải nhìn chung chưa chú trọng tính liên kết;... mạng lưới quốc lộ chưa đáp ứng yêu cầu vận tải.</p>	<p>Mặc dù đã đạt được một số kết quả song vẫn tồn tại, hạn chế so với mặt bằng chung</p>	
2	Bộ KHĐT	<p>Đề nghị xem xét lại nhận định “Vùng-chủ-yếu-là-dân-tộc-thiểu-số” (trang 47) là chưa chính xác (tỷ lệ dân tộc thiểu số trong Vùng thấp, chủ yếu là người Khmer, chỉ chiếm 6,8% dân số toàn Vùng). Tác động của đại dịch Covid: đây chỉ là yếu tố tác động với thời gian ngắn so với thời gian triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TW trong 18 năm, do đó xem xét mức độ đưa vào báo cáo. Nguyên nhân chủ quan: Nguồn vốn chưa tập trung cho Vùng (không chỉ là vốn cho công tác bảo trì đường bộ, công tác xã hội hóa đầu tư còn chưa hấp dẫn, chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn vào Vùng). Nguyên nhân khách quan: đồng bằng sông Cửu Long giữ vai trò an ninh lương thực quốc gia nhưng việc giữ đất lúa và tập trung chính cho phát triển nông nghiệp nên giá trị mang lại chưa cao, cũng là một nguyên nhân làm tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	
3	Bộ KHCN	<p>Mục II. Hạn chế, yếu kém (trang 45), đề nghị xem xét bổ sung: đầu tư cho KH&CN của Vùng còn thấp, dàn trải và chưa có trọng tâm, trọng điểm chưa tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và tăng năng suất lao động, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	

	<p>Nguyên nhân hạn chế, yếu kém (trang 47): Đề nghị xem lại “trong Vùng chủ yếu là người dân tộc thiểu số nên cách thức, phương thức, trình độ sản xuất... còn hạn chế” nên viết lại thành: “trong Vùng có một số địa phương có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao nên trình độ sản xuất còn hạn chế. Việc tiếp thu và ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất còn nhiều khó khăn, thách thức”.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	
<p>4</p> <p>Bộ LĐ</p>	<p>Về thành tựu phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội bổ sung nội dung: Hệ thống chính sách an sinh xã hội trong vùng được ban hành khá đầy đủ, toàn diện, bảo đảm an sinh xã hội cho các nhóm yếu thế, không để ai bị bỏ lại phía sau; chính sách ưu đãi người có công được thiết kế hỗ trợ toàn diện, cải thiện rõ rệt mức sống người có công và gia đình người có công; chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện.</p> <p>Về hạn chế bổ sung nội dung: Chất lượng nguồn lao động và chất lượng việc làm chưa cao, thiếu tinh ổn định, bền vững; mức thu nhập bình quân đầu người của Vùng tăng nhanh trong giai đoạn 2002-2020 nhưng vẫn tăng chậm hơn so với mức chung của toàn quốc; tỷ lệ giảm nghèo bình quân của Vùng từ 1,5-2%/năm, không đạt mục tiêu Nghị quyết giao (giảm từ 2-3%/năm); phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng về phân phối thu nhập và mức sống giữa các vùng, các tầng lớp dân cư còn lớn và có xu hướng tăng.</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	
<p>5</p> <p>NHNN</p>	<p>- Tại mục II, III Phần II (B) - đánh giá những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân (trang 45 - 49): Đề nghị xem xét, bổ sung đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động ngân hàng tại vùng DBSCL, cụ thể: Nguồn vốn huy động tại chỗ mới đáp ứng được khoảng 83% nhu cầu vốn tín dụng trên địa bàn; nguồn lực để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của người nghèo và các đối tượng chính sách tại khu vực.</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	
	<p>- Đề nghị bổ sung thêm mục “Những hạn chế trong công tác thể chế hóa hệ thống chính sách, pháp luật”, trong đó chỉ rõ việc chưa hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nói chung và chính sách, pháp luật có liên quan đối với công tác dân tộc, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng.</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	

6	UBDT	<p>- Đối với hạn chế tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi (điểm 2): Bổ sung thêm nội dung: Chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc còn thấp, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS nhiều nơi còn hạn chế, chưa đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc. Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi cấp THCS và THPT còn thấp (71,1% và 38,4%), còn 21,49% người DTTS từ 15 tuổi trở lên chưa biết đọc, biết viết chữ phổ thông. Nguy cơ mai một giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS rất cao (tiếng nói, chữ viết, bản sắc văn hóa truyền thống).</p>	Đã nêu khái quát trong BC	
	Cần Thơ	Đ/c Lê Quang Mạnh có Một số ý kiến về Đánh giá kết quả thực hiện NQ21	Tiếp thu, chỉnh sửa vào BC	
7	An Giang	<p>Phần II, Mục III về nguyên nhân hạn chế chủ quan: đề nghị bổ sung nội dung "Việc triển khai Nghị quyết nhưng chưa chuẩn bị nguồn lực đầy đủ để tổ chức thực hiện"</p> <p>Là vùng có nhiều tỉnh xuất phát điểm thấp nhưng Trung ương đầu tư nguồn lực cho vùng còn hạn chế; một số quy định, nghị quyết, chủ trương của Chính phủ về phát triển vùng chưa được hỗ trợ về nguồn lực thực hiện.</p>	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
8	Bến Tre	mục 3.2 của Phần III. Nguyên nhân, đề nghị bổ sung cụm từ "nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo ít, có khuynh hướng di cư về các địa phương ngoài Vùng" sau nội dung "Nguồn nhân lực còn hạn chế, trình độ dân trí không đồng đều", để trở thành "Nguồn nhân lực còn hạn chế, trình độ dân trí không đồng đều, nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo ít, có khuynh hướng di cư về các địa phương ngoài Vùng".	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
9	Hậu Giang	Những đánh giá hạn chế, tồn tại về Giáo dục, về chất lượng nguồn nhân lực, về cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông	Đã có trong BC	

6. BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ LĐ	Về mục tiêu đến năm 2030, đề nghị xác định mục tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt từ 75-80%.	Tiếp thu, điều chỉnh vào BC	
2	NHNN	Điểm 2.1 (Quan điểm): thống nhất với 5 quan điểm của dự thảo; tuy nhiên kiến nghị nêu rõ quan điểm: 1 - Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2020; các định hướng, mục tiêu phát triển vùng phải bám sát Văn kiện Đại hội XIII, các nghị quyết, chiến lược, chương trình, kế hoạch của Trung ương.	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
3	UBNDT	Điểm 2.2 (Mục tiêu và tầm nhìn), trong đó mục tiêu đến năm 2030: “Vùng đồng bằng sông Cửu Long có sự phát triển toàn diện về kinh tế - văn hóa - xã hội - giáo dục - môi trường theo hướng bền vững, trên cơ sở chiến lược, chính sách, quy hoạch cụ thể..., là trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo; trung tâm nông nghiệp hiện đại, đa dạng, năng động, hiệu quả theo hướng chuyển dịch nhanh mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, tập trung, chuỗi giá trị toàn cầu; là một khối thống nhất...” đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “Vùng đồng bằng sông Cửu Long có sự phát triển toàn diện về kinh tế - văn hóa - xã hội - giáo dục - môi trường theo hướng bền vững trên cơ sở chiến lược, chính sách, quy hoạch cụ thể ..., là trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, trung tâm nông nghiệp đa dạng, bền vững theo hướng chuyển dịch nhanh mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, tập trung, chuỗi giá trị toàn cầu; là một khối thống nhất...”.	Đã nêu khái quát trong BC	

		<p>Tầm nhìn đến năm 2045: “Vùng đồng bằng sông Cửu Long có trình độ phát triển khá; là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới; tỷ trọng nông nghiệp công nghệ cao chiếm đa số; các hệ sinh thái tự nhiên được bảo tồn và phát triển. Thu nhập bình quân đầu người cao hơn trung bình cả nước, bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long được giữ vững và phát huy”</p>	<p>Đây là mục tiêu cần phải đạt được trong vài năm tới</p>	
	<p>Cần Thơ</p>	<p>Đ/c Lê Quang Mạnh có Một số ý kiến về Mục tiêu tăng trưởng và năng suất lao động</p>	<p>Cần phân đầu</p>	
	<p>4</p>	<p>Điểm 3.1 (Về tư duy và nhân thức): Tư duy vùng và nhận thức liên vùng là yếu tố chủ đạo, kết nối, dẫn dắt sự phát triển của từng địa phương trung Vùng và tạo cơ chế điều phối, kết nối hiệu quả.</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	
	<p>5</p>	<p>An Giang</p> <p>Bổ sung, sửa đổi một số giải pháp về Phát triển nông nghiệp; Phát triển khoa học và công nghệ</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	
	<p>6</p>	<p>Kiên Giang</p> <p>Điểm 3.9 (về phát triển kinh tế đối ngoại và hợp tác liên kết vùng) đề xuất bổ sung xây dựng thí điểm địa phương tiêu biểu về hợp tác đối ngoại, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu và thu hút đầu tư.</p>	<p>Nghiên cứu thêm</p>	
	<p>7</p>	<p>Long An</p> <p>Một số đánh giá và dự báo những khó khăn, thách thức về: Đất đai, di dân, thu nhập, dân số, ...</p> <p>trong dự thảo Quy hoạch Vùng DBSCL đề ra tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2030 là 7-8%; trong khi đó dự thảo Báo cáo tổng kết đưa ra tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2030 đạt 10,5%</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p> <p>Mục tiêu cần phải đạt được</p>	
		<p>Về đánh giá khó khăn (trang 51-52): Đề nghị bổ sung đánh giá thêm về tác động của dịch Covid-19 đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	

8	Tiền Giang	<p>Về mục tiêu và tầm nhìn (trang 53): Đề nghị bổ sung các mục tiêu phát triển đến năm 2030 phải thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>Về một số chỉ tiêu cụ thể (Trang 53): Dự thảo Báo cáo xây dựng mức tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt mức 10,5%; cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 38,5% GRDP, công nghiệp và xây dựng: 37,2%, ngành nông, lâm, ngư nghiệp 20%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,3%. Tuy nhiên, thực trạng giai đoạn 2011-2015, GRDP tăng bình quân 6,5%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng 5,8%/năm, nên mục tiêu tăng trưởng cho giai đoạn 2021-2030 là khá cao, khó có thể đạt được. Ngoài ra, theo dự thảo Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long: “Giai đoạn 2021 - 2030: tăng trưởng kinh tế đạt mức trung bình cả nước, phấn đấu đạt 7,8%/năm. Đến năm 2030, phấn đấu tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GRDP của Vùng là 20%; công nghiệp, xây dựng là 32%; dịch vụ là 46%; 1% thuế - trợ cấp”.</p>	<p>Đã có nêu trong BC</p> <p>Đề đạt được mục tiêu phấn đấu thì kích bản tăng trưởng phải đạt tốc độ 10-11%.</p>
9	Trà Vinh	<p>Về tỷ lệ đô thị hóa: Năm 2010, tỷ lệ đô thị hóa của vùng là 23,3%, đến năm 2020 là 25,9% (nguồn: Tổng cục Thống kê), trong 10 năm qua chỉ tăng 2,6 điểm %. Với mục tiêu giai đoạn 10 năm tới, đến năm 2030 đạt 42-48% là khá cao (tăng trên 16 điểm %), khó có thể đạt được.</p>	<p>Cần phấn đấu</p>
10	Vĩnh Long	<p>Đến năm 2030, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội của vùng khoảng 20%, trong khi cơ cấu kinh tế của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp 20% so GRDP, điều này cho thấy khả năng sẽ thiếu hụt lao động trong khu vực nông lâm ngư nghiệp.</p> <p>Về “Tầm nhìn đến năm 2045” (trang 54): Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp Quy hoạch vùng ĐBSCL đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch các tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSCL mà Nhiệm vụ Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đang được các địa phương triển khai xây dựng đều tính đến giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Thể hiện sự chuyển biến về chất trong sản xuất nông nghiệp.</p> <p>năm 2045” là mốc thời gian chúng ta Kỳ niệm 100 năm ngày thành lập Nước.</p>

7. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
		<p>Mục III. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ: Điểm 3.2.1, nội dung gạch đầu dòng thứ 2 (trang 57) trùng với nội dung gạch đầu dòng thứ nhất (trang 59) trong Điểm 3.2.2, đề nghị việc ban hành Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030. Ngoài ra, đề nghị bổ sung nội dung nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất quốc gia cần phải nghiên cứu, tính toán quỹ đất phù hợp sử dụng cho mục đích quốc phòng - an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC	
1	Bộ CA	<p>Tiêu mục 3.10. Đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đề nghị bổ cục lại để tránh trùng lặp (vấn đề đây mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được lặp lại nhiều lần). Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: + “Rà soát, hoàn thiện thể chế, khác phục bất cập trong cơ chế, chính sách. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định, đánh giá tác động về ANQG đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế, dự án đầu tư nước ngoài. Chủ động phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, trục lợi trong quá trình triển khai chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường phối hợp giám sát nguồn vốn đầu tư nước ngoài đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không để nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng thủ tục doanh nghiệp trên các lĩnh vực quan trọng, các dự án bất động sản có vị trí đặc địa liên quan ANQP, dự án năng lượng trọng điểm; thận trọng thẩm định năng lực tài chính, công nghệ của doanh nghiệp nước ngoài xin cấp phép đầu tư vào Việt Nam; đánh giá kỹ các điều khoản ràng buộc khi ký kết những Hiệp định khung, Hiệp định vay vốn cụ thể, các hợp đồng kinh tế với nước ngoài, tránh việc bị thua thiệt hoặc bị khởi kiện; kiên quyết rút giấy phép của những công ty nước ngoài không thực hiện đúng mục đích, yêu cầu cam kết ban đầu về sử dụng lao động ở địa phương và bảo vệ môi trường sinh thái... vi phạm pháp luật Việt Nam”. + “Tập trung đấu tranh, ngăn chặn tiến tới đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm ma túy, kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Quản lý chặt chẽ hoạt động của người nước ngoài, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, cư trú; tăng cường quản lý nhân, hộ khẩu, siết chặt quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, quản lý vũ khí, vật liệu nổ”.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC	

	<p>Một số ý kiến của D/c Lương Tam Quang, UVBCHTW, Thứ trưởng Bộ CA, thành viên BCD</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC</p>	
	<p>Tại phần phát triển không gian Vùng (cuối trang 57): Đề nghị đưa đoạn “Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia... trung tâm đầu mối về nông nghiệp” vào phần phát triển ngành nông nghiệp tại trang 56. Đồng thời xem xét nội dung tại mục 3.2.1 và mục 3.3 về phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... có sự trùng lặp và lặp lại, do đó đề nghị kết cấu lại nội dung cho phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC</p>	
	<p>- Tại điểm 3.3.1 về phát triển nông nghiệp (trang 60): Các chỉ tiêu phân đấu giai đoạn 2021-2030 về tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông, lâm thủy sản đạt trên 5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 5%/năm cần ghi chú nguồn số liệu.</p>	<p>Theo BC của Bộ NN</p>	
	<p>- Tại điểm 3.5 về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (trang 65): đề nghị bổ sung tập trung đầu tư, hoàn thành tuyến đường ven biển trong Vùng, góp phần thực hiện hoàn thành 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau như Văn kiện Đại hội Đảng XIII đã đề ra và quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung trong BC</p>	
	<p>- Tại điểm 3.6.1 về phát triển giáo dục, đào tạo (trang 67): Xem xét bổ sung nghiên cứu xây dựng một trung tâm đào tạo nghề của Vùng, là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho cả vùng DBSCL.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung trong BC</p>	
<p>2</p>	<p>Tại điểm 3.8.1 về thu hút nguồn lực đầu tư (trang 75): Đề nghị bỏ đoạn “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của đất nước, chú trọng cải cách tiền lương, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số”, do đây là giải pháp về cải cách hành chính.</p>	<p>CCHC để tạo môi trường hấp dẫn thu hút các nguồn lực đầu tư trong XH</p>	

		<p>Tại mục 3.8.2 (trang 77), đề nghị xem xét lại nội dung: “kiện toàn bộ máy Hội đồng vùng”, do hiện nay Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 về thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng DBSCL giai đoạn 2020-2025, theo đó Hội đồng điều phối vùng sẽ thực hiện các nhiệm vụ liên kết, điều phối, phát triển vùng DBSCL. Do đó đề nghị xem xét thay thế “vùng kinh tế trọng điểm” thành “vùng DBSCL”.</p>	<p>Vùng KTTĐ DBSCL đã được thành lập và cần phát huy hiệu quả và vai trò dẫn dắt, lan tỏa</p>
<p>3</p>	<p>Bộ GTVT</p>	<p>Về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (mục 3.5, trang 65) trong đó có hạ tầng giao thông, đề nghị Tổ biên tập chỉnh sửa “...tạo kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh duyên hải phía Đông và cả nước” thành “...tạo kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam bộ và cả nước”</p> <p>Đối với mục 3.8 “xây dựng các cơ chế, chính sách và các nguồn lực tài chính; phát triển các khu vực, vùng lãnh thổ cho phát triển vùng”. Đề nghị tách phần “phát triển các khu vực, vùng lãnh thổ cho phát triển vùng” và cập nhật vào mục 3.3 “chuyển đổi cơ cấu kinh tế và mô hình phát triển kinh tế Vùng” để tránh chồng chéo về đầu mục và nội dung. Đối với các nhiệm vụ và giải pháp thu hút nguồn lực đầu tư (mục 3.8.1), đề nghị rà soát, loại bỏ các nội dung không liên quan đến thu hút nguồn lực (như tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật...); đồng thời rà soát tránh trùng lặp về nội dung (như việc hoàn thiện cơ chế chính sách để thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư).</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC</p>
	<p>Bộ VH</p>	<p>Đối với định hướng phát triển du lịch tại mục 3.3.3 (trang 64) của dự thảo: Đề nghị bổ sung nội dung: “Phát triển các tuyến du lịch nghỉ dưỡng thông qua đường hàng không đến Cần Thơ và Phú Quốc”.</p> <p>Đối với định hướng phát triển văn hóa tại mục 3.6.3 (trang 70 của dự thảo): Đề nghị lược bỏ nội dung “Phục hồi, phát triển du lịch... du lịch Việt Nam” do nội dung này đã có trong định hướng phát triển du lịch.</p> <p>Xem xét lại “Xây dựng nền Nông nghiệp hiện đại; phát triển công nghiệp chế biến.....”. Có thể viết lại là: “Xây dựng nền kinh tế Nông nghiệp hiệu quả cao và bền vững trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng”.</p>	<p>CCHC để tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực XH</p>
			<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC</p>

<p>Mục 3.7. Phát triển KH&CN (trang 74), đề nghị xem xét bổ sung việc: “tập trung đầu tư nâng cấp đủ mạnh và mở rộng chức năng đối với mô hình các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học thuộc các Bộ ngành Trung ương ở cấp vùng đủ điều kiện giải quyết các vấn đề của vùng”.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung trong BC</p>	
<p>Phát triển mạnh hệ thống Trung tâm đổi mới sáng tạo của Vùng, trong đó tập trung xây dựng và phát triển Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vùng Đông bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ” theo mô hình Khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, để có thể cạnh tranh với khu vực và quốc tế.</p>	<p>Đã đề cập trong BC</p>	
<p>- Sửa nội dung: “Hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều cho vùng” thành “Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tin dùng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động”.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong BC</p>	
<p>Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội.</p> <p>Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội đa dạng, linh hoạt cả về chất lượng và số lượng theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và dân tộc thiểu số. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng; phát huy vai trò của gia đình; phát triển đội ngũ chuyên nghiệp làm công tác xã hội. Tổng kết, nhân rộng các mô hình chăm sóc, trợ giúp xã hội.</p>	<p>Đã đề cập trong BC</p>	
<p>Xây dựng và hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động; kết nối cơ sở dữ liệu về lao động với cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội, thuế, dân cư, trong đó có dữ liệu lao động là người dân tộc thiểu số, làm cơ sở hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phù hợp cho lao động nói chung, lao động trong Vùng nói riêng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo, tăng cường cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá.</p>	<p>Đã đề cập trong BC</p>	

<p>- Tại điểm 3.9 mục III phần III về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu (trang 78 -79): Đề nghị bổ sung nội dung giải pháp nhằm tăng cường, phát triển hoạt động kinh tế biên mậu giữa Việt Nam và Campuchia.</p>	<p>- Tại mục 3.6.4. Phát triển y tế: Đề nghị bổ sung chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030: 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ – Đây là chỉ tiêu của Nghị quyết 21 và Kết luận 28 đã đề ra nhưng chưa đạt. Xem xét lại chỉ tiêu “Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%” là thấp, vì hiện nay tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng vùng dân tộc còn trên 10%.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung trong BC</p>	
	<p>+ Ban hành chính sách khuyến khích, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh, đặc thù về điều kiện tự nhiên và văn hóa đặc sắc của đồng bào các DTTS để thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển du lịch, dịch vụ nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào vùng DTTS&MN nói chung, đồng bào các DTTS nói riêng.</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	
	<p>+ Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn. Ưu tiên giải quyết đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS còn khó khăn, đào tạo nguồn nhân lực và củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở những vùng đặc biệt khó khăn.</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	
<p>5</p>	<p>UBDT</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	
	<p>+ Đòi mới cơ chế, chính sách để đề nâng cao tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em DTTS ở các cấp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học cấp THCS và THPT. Xây dựng các chương trình, mô hình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, hình thành thế hệ đội ngũ lao động mới, biết ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thích ứng dần với cơ chế thị trường trong vùng DTTS.</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	
	<p>+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, chuẩn hóa các trạm y tế xã và các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, năng lực khám chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế và chăm sóc sức khỏe người dân ở vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường biện pháp chăm sóc nhằm giảm tỉ lệ thấp còi, suy dinh dưỡng trẻ em dân tộc thiểu số.</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	

<p>+ Có chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài, các nhà khoa học, bác sĩ, cán bộ quản lý giới tham gia phát triển kinh tế -xã hội các xã vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người DTTS. Có chính sách đặc thù để tạo nguồn cán bộ cơ sở đến năm 2030, các dân tộc chính của Vùng, dân tộc nào cũng có cán bộ tham gia trong hệ thống chính trị ở cơ sở.</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	
<p>+ Xem xét lại đề xuất “Tiếp tục thực hiện chính sách trợ cước, trợ giá cho đồng bào dân tộc”. Lý do: Chính sách trợ giá, trợ cước thực hiện tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 20/1998/NĐ-CP và Nghị định số 02/2002/NĐ-CP ngày 03/01/2002 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 20/1998/NĐ-CP. Qua 10 năm thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước đã góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc. Tuy nhiên đến thời điểm năm 2009, chính sách bất đầu bộc lộ hạn chế, chưa tập trung cao cho vùng nghèo, hộ nghèo và chưa tạo điều kiện phát huy được vai trò chủ động của chính quyền địa phương. Để khắc phục nhược điểm của chính sách trợ giá, trợ cước và đáp ứng nhu cầu thực tế của vùng khó khăn nhất của cả nước, ngày 7/8/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 102/2009/QĐ-TTg về Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thay thế chính sách trợ giá, trợ cước đối với vùng khó khăn. Sau gần 10 năm thực hiện, thực hiện chủ trương của Chính phủ về giảm chính sách hỗ trợ trực tiếp, tích hợp các chính sách có cùng đối tượng, mục tiêu tại vùng khó khăn, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn đã được bãi bỏ theo Quyết định số 25/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu và chính sửa trong BC</p>	
<p>+ Đổi mới cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng DBSCL. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ cho khởi nghiệp, tiêu thụ sản phẩm, tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS.</p>	<p>Đã đề cập một cách khái quát trong BC</p>	

		<p>+ Tại mục 3.10. Đảm bảo an ninh quốc phòng: Đối với những địa bàn DTTS quá khó khăn, sản xuất không đáp ứng được nhu cầu cơ bản, cần có chính sách hỗ trợ ổn định lương thực và các nhu yếu phẩm cần thiết để người dân yên tâm giữ gìn tài nguyên, bảo vệ an ninh biên giới.</p>	Đã đề cập một cách khái quát trong BC	
6	An Giang	<p>Phần III, điểm 3.8.1 về Thu hút nguồn lực đầu tư: Cho chủ trương về cơ chế hợp vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước của các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện các dự án mang tính cách liên vùng, liên tỉnh</p>	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
7	Bạc Liêu	<p>Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ: Bạc Liêu định hướng phát triển trở thành “Trung tâm ngành công nghiệp tôm cá nước”. Do đó, đề nghị bổ sung nhiệm vụ tại mục 3.3.2. Phát triển Công nghiệp (trang 62): “xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm, thủy sản với công nghệ tiên tiến tại các vùng thuận lợi nguyên liệu tại Đòng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng”.</p>	Tiếp thu, bổ sung vào BC thêm tỉnh Bạc Liêu	
		<p>Dự án điện khí LNG Bạc Liêu 3.200 MW đã được đưa vào Quy định VII (bổ sung) và đã cấp chủ trương đầu tư triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2027. Tuy nhiên, tại trang 63, “Phát triển các dự án điện khí ở Bạc Liêu, Kiên Giang, Long An sau năm 2030”. Do đó, đề nghị xem xét sửa cho phù hợp hơn.</p>	Tiếp thu. Chính sửa trong BC	
8	Cà Mau	<p>Mục 3.4. (Về phát triển đô thị và bố trí dân cư), tại ghi chú 232, trang 64: Bổ sung việc đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, phát triển các đô thị trung tâm trên toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì nội dung dự thảo chỉ mới đề cập Chương trình phát triển đô thị của tỉnh Hậu Giang; đối với Cà Mau, mục tiêu đến 2030 toàn tỉnh có 03 đô thị động lực: Thành phố Cà Mau (đô thị loại I), thị trấn Sông Đốc và thị trấn Năm Căn (đô thị loại III và nâng cấp đơn vị hành chính từ thị trấn lên thị xã).</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa vào BC	
		<p>Đối với phụ lục 3, tại mục 12: Chỉ tiêu hạ tầng giao thông 2030, trục dọc đường cao tốc, đoạn Cần Thơ - Cà Mau; đề xuất kiến nghị đầu tư kéo dài tuyến cao tốc đến Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau để kết nối đồng bộ hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ Ai Nam Quan (tỉnh Lạng Sơn) đến Mũi Cà Mau.</p>	Nghiên cứu thêm	

	<p>Về nội dung phát triển nhiệt điện than (trang 63) có nêu: Chưa phát triển thêm nhiệt điện than ngoài các nhà máy nhiệt điện than đang trong quá trình xây dựng ở Duyên Hải II (Trà Vinh), Long Phú I (Sóc Trăng), Sông Hậu I (Hậu Giang). Đề nghị điều chỉnh thành: Chưa phát triển thêm nhiệt điện than ngoài các nhà máy nhiệt điện than đang trong quá trình xây dựng và các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ký hợp đồng với bên phát triển dự án ở Duyên Hải II (Trà Vinh), Long Phú I (Sóc Trăng), Sông Hậu I, II (Hậu Giang), vì dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Sông Hậu II đã được Bộ Công Thương Việt Nam ký kết với bên phát triển dự án là TOYO INK GROUP BERHAD (kỳ ngày 29/12/2020).</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa vào BC</p>	
9	<p>Hậu Giang</p> <p>Về nội dung xây dựng các Trung tâm logistics với diện tích 242,2 ha tại Cái Cui, quận Cái Răng (trang 67): Đề nghị điều chỉnh thành xây dựng Cụm logistics dọc Sông Hậu trên địa bàn Cần Thơ - Hậu Giang (đề tạo điều kiện cho Thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang liên kết phát triển).</p> <p>Về danh mục dự án giao thông (Phụ lục 4): - “15. Dự án đầu tư tuyến tránh Quốc lộ 1 qua thành phố Cà Mau”: Đề nghị điều chỉnh thành “15. Đầu tư tuyến tránh Quốc lộ 1 qua thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang và qua thành phố Cà Mau”. - “19. Mở rộng Quốc lộ 61C, Quốc lộ Nam Sông Hậu, Quốc lộ 61B”: Đề nghị điều chỉnh thành “19. Mở rộng Quốc lộ 61, Quốc lộ 61C, Quốc lộ Nam Sông Hậu, Quốc lộ 61B”.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa vào BC</p> <p>chưa cần đổi được vốn, có thể báo cáo Thủ tướng CP giao các DP thực hiện.</p>	
	<p>Tại trang 56, mục 3.2.1 Về Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng và các địa phương: Đề nghị quan tâm, nhấn mạnh về “Phát triển kinh tế biển” là một trong những nội dung chiến lược của quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng và ban hành chính sách đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long.</p>	<p>Đã nêu khái quát trong BC</p>	
	<p>Nghiên cứu hình thành Trung tâm xuất khẩu nông sản cho Vùng DBSCL tại tỉnh Long An</p>	<p>Nghiên cứu thêm</p>	

10	Long An	<p>Đối với danh mục các dự án, công trình giao thông cần triển khai trong giai đoạn tới (tại Phụ lục 4), đề nghị xem xét, bổ sung các dự án sau: + Nâng cấp và cải tạo các tuyến Quốc lộ 1A; Quốc lộ 50, Quốc lộ N2, Quốc lộ N1. + Xây dựng hoàn thiện Quốc lộ 50B (Trục động lực kết nối Tiền Giang - Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang). + Xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.</p>	Do nguồn vốn hạn chế nên chưa cân đối được để đầu tư đồng bộ các tuyến này.	
		<p>Tại trang 63, mục 3.3.2 Về phát triển công nghiệp: Đề nghị bổ sung tỉnh Trà Vinh vào đoạn “... phát triển ngành đóng và sửa chữa tàu, phương tiện thủy nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cần Thơ...”</p>	Đề nghị Bộ Công Thương giải trình cụ thể	
11	Trà Vinh	<p>Tại trang 64, mục 3.3.3 Về phát triển dịch vụ: Trong định hướng phát triển du lịch, đề nghị bổ sung thêm “...phát triển hệ thống các cảng du lịch trên sông Tiền, sông Hậu và các cảng du lịch tàu biển ở Cà Mau, Trà Vinh và Phú Quốc để phát triển các tuyến du lịch đường thủy kết nối trong nước và quốc tế”, phát triển Khu du lịch quốc gia Ao Bà Om (tỉnh Trà Vinh). - Trang 64, mục 3.4 Về phát triển đô thị và bố trí dân cư: Theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg, ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Khu kinh tế Định An (Trà Vinh) đóng vai trò là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Trà Vinh và vùng đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ giao thương hàng hải quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Bộ, do đó đề nghị bổ sung xây dựng thị xã Duyên Hải (tỉnh Trà Vinh) thành đô thị loại II đến năm 2030, hướng đến xây dựng thị xã Duyên Hải (tỉnh Trà Vinh) thành đô thị biển, với lĩnh vực mũi nhọn là du lịch và kinh tế biển.</p>	Thủ tướng đã triển khai	

	<p>Tại trang 65, mục 3.5 Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: Đề nghị bổ sung thêm “Đầu tư hoàn thiện hệ thống cảng trên địa bàn các tỉnh trong Vùng theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm của vùng như: Tuyên đường hành lang ven biển; cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60; tuyến cao tốc TP.Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng và tuyến cao tốc Hồng Ngự (Đồng Tháp) - Trà Vinh (kéo dài đến Khu Kinh tế Định An và thị xã Duyên Hải) trước năm 2030; Quốc lộ 54 qua các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp và Trà Vinh.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p>	
--	---	---------------------------------	--

8. KIẾN NGHỊ

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ KHĐT	<p>- Đề nghị bỏ “kiến toàn Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long”, do Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 về thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 1054/QĐ-TTg ngày 2/7/2021 về thành viên Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2021 - 2025.</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa “phê duyệt chủ trương tiếp nhận Khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long...” thành “phê duyệt chủ trương tiếp nhận Khoản vay hỗ trợ vùng đồng bằng sông Cửu Long...”. sửa “ban hành Đề án về thể chế phát triển vùng” thành “Sớm phê duyệt Đề án thể chế liên kết vùng” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ về Đề án thể chế liên kết vùng tại Tờ trình số 6773 / TTTr BKHĐT ngày 6/10/2021.</p> <p>- Đề nghị bỏ “phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng DTTS & MN giai đoạn 2021-2025”, do Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai-đoạn 2021-2030 ; giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	
2	NHNN	<p>Đề nghị tiếp tục nghiên cứu các chính sách ưu tiên phát triển vùng kinh tế trọng điểm, các cực tăng trưởng, để tạo động lực tăng trưởng cho các Vùng.</p> <p>Đề nghị bổ sung kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với Tỉnh ủy, UBND các tỉnh, thành phó vùng ĐBSCL trong việc đẩy mạnh việc ủy thác nguồn vốn từ ngân sách địa phương qua Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) để bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo, các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn; tạo điều kiện cho NHCSXH hoạt động ổn định, bền vững theo Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014, Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư và Quyết định 401/QĐ-TTg ngày 14/3/2016, Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	

		<p>- Đề nghị bổ sung thêm Mục 3 “3. Chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội”: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và công tác dân tộc nói riêng; tăng cường thực hiện giám sát tình hình chấp hành pháp luật của các ngành, các cấp; phê duyệt đủ nguồn vốn để thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung trong BC</p>	
3	UBND	<p>- Đề nghị bỏ kiến nghị “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2023” thành đề nghị” bổ sung thêm kiến nghị: “đào tạo, tuyển dụng, có chính sách đãi ngộ, ưu tiên đặc thù cho cán bộ công chức làm công tác dân tộc và tôn giáo”. Do Chương trình mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo</p>	
4	An Giang	<p>Bộ Chính trị ban hành Kết luận về phát triển kinh tế - xã hội Tiểu vùng Bán đảo Cà Mau, gồm các tỉnh: Bạc Liêu – Sóc Trăng – Cà Mau – Kiên Giang.</p> <p>Ngoài ra, trong dự thảo Báo cáo đề nghị bổ sung thêm tiến độ xây dựng Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Nghiên cứu thêm</p> <p>Chuyển cho Chính phủ xây dựng</p>	
5	Bạc Liêu	<p>Về kiến nghị (Phần IV), đề xuất nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau: - Hỗ trợ các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long giải quyết tình trạng sạt lở. - Ưu tiên đầu tư dự án cấp nước từ sông Hậu về tỉnh Cà Mau, trong triển khai các dự án ưu tiên trong quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. bờ sông đang diễn ra nghiêm trọng.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào BC</p>	
6	Đồng Tháp	<p>(1) Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận đề tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Cửu Long với tinh thần chỉ đạo quyết liệt hơn, tập trung hơn để các cấp, các ngành, toàn thể hệ thống chính trị tích cực tham gia thực hiện để phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>BC kiến nghị Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết mới</p>	

7	Hậu Giang	Một số kiến nghị về cơ chế, chính sách để phát triển KT-XH, bảo đảm QP-AN tỉnh Kiên Giang	Tiếp thu và đưa vào Báo cáo	
8	Kiên Giang	Riêng đối với Phú Quốc, Tỉnh kiến nghị Ban Kinh tế Trung ương, hỗ trợ, tham mưu Bộ Chính trị xem xét chủ trương cho Kiên Giang xây dựng Đề án thực hiện thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù cho thành phố Phú Quốc. Hiện nay, Tỉnh đã trình Chính phủ xin chủ trương, theo đó, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh đã giao Bộ KH&ĐT tham mưu trong thời hạn tháng 11/2021(Đính kèm Tờ trình và Công văn chỉ đạo của PTT Phạm Bình Minh).	Tiếp thu và đưa vào Báo cáo	
9	Long An	Đề xuất bổ sung Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Vùng đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.	Tiếp thu và đưa vào Báo cáo	
10	Sóc Trăng	Xem xét lại quy định tại Điều 58, Luật Đất đai năm 2013.	Đưa vào Phụ lục để Chính phủ nghiên cứu báo cáo cụ thể.	
11	Tiền Giang	Tỉnh Long An đã có Tờ trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung Khu kinh tế tỉnh Long An vào Quy hoạch các khu kinh tế Việt Nam với diện tích 13.080 ha. Kiến nghị Trung ương ủng hộ chủ trương trên, để tỉnh Long An có cơ sở triển khai thực hiện. Kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5, Điều 1, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2013 theo hướng cho phép hạch toán và khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản kinh phí doanh nghiệp đóng góp vốn vào đầu tư các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khi được địa phương xác nhận hoặc ghi nhận các khoản đóng góp này.	Đưa vào Phụ lục 6 để Chính phủ nghiên cứu báo cáo cụ thể.	

		Kiến nghị về phát triển năng lượng	Tiếp thu và đưa vào Báo cáo	
12	Trà Vinh	Bổ sung một số hạng mục công trình giao thông: Quốc lộ 50B (Trục đồng lực kết nối Tiên Giang - Long An - Thành phố Hồ Chí Minh); Đường Hồ Chí Minh (đoạn Chơn Thành - Đức Hòa); Đường Vành đai 3 và Vành đai 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án nạo vét sông Soài Rạp. Ban hành một số cơ chế, chính sách như Chương trình mục tiêu quốc gia cho vùng đồng bằng sông Cửu Long để phát triển kinh tế của vùng nhanh và bền vững hơn trong thời gian tới.	Tiếp thu và đưa vào Báo cáo	
13	Vĩnh Long	Về kiến nghị thứ nhất nêu trong dự thảo Báo cáo: Đề nghị tên Nghị quyết mới chuẩn lại là “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (dự thảo Báo cáo ghi “tầm nhìn đến năm 2045”, Tiền Giang đã góp ý phần trên). Về kiến nghị thứ 2 trong dự thảo Báo cáo, đề nghị bổ sung một số nội dung lồng ghép vào kiến nghị này: - Sớm xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi quy hoạch được phê duyệt; trong đó, thể hiện lộ trình triển khai các dự án đầu tư quan trọng có tính chất vùng; đồng thời, định kỳ hàng năm rà soát, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp. - Nghiên cứu xây dựng cơ chế phân chia lợi ích, chia sẻ tài chính và các nguồn thu từ các chương trình, dự án mang tính chất liên kết trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. - Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí hoặc hướng dẫn cách thức lựa chọn các dự án mang tính chất liên vùng.	Tiếp thu, bổ sung vào BC	
			năm 2045 là mốc Kỳ niệm 100 năm ngày thành lập Nước.	

9. CÁC NỘI DUNG KHÁC

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	YK của TBT	Ghi chú
1	Bộ GTVT	<p>Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đối với hệ thống quốc lộ, mục tiêu đến năm 2030 “<i>tập trung nâng cấp mặt đường, tăng cường hệ thống an toàn giao thông, xử lý các điểm đen, cải tạo nâng cấp các cầu yếu và nâng cấp một số quốc lộ trọng yếu kết nối tới các đầu mối vận tải lớn chưa có tuyến cao tốc song hành</i>”. Tuy nhiên, tại Phụ lục số 4 về danh sách các dự án, công trình giao thông cần triển khai trong giai đoạn tới, ngoài danh mục các dự án do Bộ GTVT đề xuất theo quy hoạch được duyệt và khả năng cân đối nguồn lực, Tổ biên tập đã tổng hợp nhiều dự án đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ do các địa phương đề xuất, đề nghị Tổ biên tập cân nhắc việc lựa chọn các dự án để đưa vào danh mục này</p> <p>Cũng tại Phụ lục số 4, một số dự án có sự nhầm lẫn, trùng lặp giữa các chuyên ngành hàng hải và đường thủy nội địa, một số dự án được liệt kê trùng lặp; đồng thời trong danh mục có một số nội dung liên quan đến định hướng quy hoạch, không phải dự án cụ thể, đề nghị Tổ biên tập rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.</p>	<p>Đưa vào để xem xét khi triển khai</p>	
2	Bến Tre	<p>Tại Phần I, mục II (Công tác thể chế hóa các chủ trương của Nghị quyết), điểm 2.2 Nhằm định hướng chiến lược, các giải pháp toàn diện, căn cơ, đồng bộ, huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia các thành phần kinh tế để phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP, đề nghị bổ sung thêm Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa lại</p> <p>Đã nêu trong Phụ lục</p>	

